

Sách điện tử - lophocvuive.com

PHÙ NAM
Nền văn minh suy tàn
Chuyện để tổng hợp



Table of Contents

[PHÙ NAM - NỀN VĂN MINH SUY TÀN](#)

[Vương quốc Phù Nam](#)

[Lại bàn về tên gọi Phù Nam](#)

[Lược sử vùng đất Nam bộ Việt Nam: Giai đoạn từ thế kỷ I đến thế kỷ VII](#)

[Giao thương giữa đồng bằng Nam bộ đầu Công nguyên](#)

[Đô thị cổ Ba Thê](#)

[Thương cảng cổ Óc Eo](#)

[Con đường hương liệu qua đường Đông Nam Á](#)

[Văn hóa Óc Eo trong mắt một trí thức Singapore](#)

[Văn hoá Óc Eo](#)

[Xem trưng bày “Cổ vật văn hóa Óc Eo”](#)

[Du lịch văn hóa Óc Eo](#)

[Về thành cổ Ba Thê thăm tượng “Phật bốn tay”](#)

[Ngôi nhà 1.750 năm tuổi của cư dân Óc Eo](#)

[Ngôi tháp cổ giữa đồng bằng Nam Bộ](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

PHÙ NAM - NỀN VĂN MINH SUY TÀN

Nhiều tác giả

* Óc Eo là tên gọi do nhà khảo cổ học người Pháp Louis Malleret đề nghị đặt cho một địa điểm nằm ở phía nam tỉnh An Giang thuộc đồng bằng sông Cửu Long (huyện Thoại Sơn). Nơi này có thể đã từng tồn tại một hải cảng sầm uất của vương quốc Phù Nam từ thế kỷ thứ 1 đến thế kỷ thứ 7.

Nền văn hóa Óc Eo là một trong ba cái nôi cổ xưa về văn minh trên lãnh thổ Việt Nam, cùng với: Văn hóa Đông Sơn, Văn hóa Sa Huỳnh, tạo thành tam giác văn hóa của Việt Nam.

* Phù Nam là tên phiên âm Hán-Việt của một quốc gia cổ trong lịch sử Đông Nam Á, xuất hiện khoảng đầu Công Nguyên, ở khu vực hạ lưu và châu thổ sông Mê Kông. Theo nhiều thư tịch cổ Trung Quốc, thì trong thời kỳ hưng thịnh, vương quốc này về phía Đông, đã kiểm soát cả vùng đất phía Nam Trung Bộ (Việt Nam), về phía Tây đến thung lũng sông Mê Nam (Thái Lan), về phía Nam đến phần phía Bắc bán đảo Malaixia.

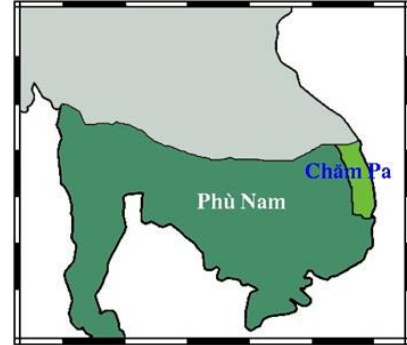
Quốc gia này tồn tại cho đến khoảng nửa thế kỷ 7 (sau năm 627) thì bị sáp nhập vào lãnh thổ của Chân Lạp. Mãi đến thế kỷ 17-thế kỷ 18, phần lãnh thổ xưa kia được coi là trung tâm của Phù Nam, tách khỏi Chân Lạp để trở thành một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam, tức Nam Bộ ngày nay.

Ebook **Phù Nam - Nền văn minh suy tàn** là một tập hợp các bài viết, nghiên cứu nhằm giúp bạn đọc ci nhìn toàn cảnh về hai khái niệm trên.

Vương quốc Phù Nam

Nguồn: Wikipedia

Vương quốc Phù Nam là một quốc gia được cho là tồn tại ở khu vực miền Đông Nam Bộ Việt Nam do hiện nay gần như không có nhiều tài liệu lịch sử đánh dấu sự hiện diện của nó.



Bản đồ Phù Nam và Chăm Pa khoảng thế kỷ III

Theo thư tịch cổ của Trung Quốc như *Tam Quốc Chí* (không phải truyện *Tam Quốc Diễn Nghĩa* của tác giả La Quán Trung) thì Phù Nam là một quốc gia bao la, trải dài từ Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia và nam Việt Nam ngày nay.

Theo các chứng tích còn sót lại trên lãnh thổ Việt Nam thì nền văn minh Phù Nam là cùng thời với nền văn hóa Óc Eo^[1] (trên khu vực tứ giác Long Xuyên). Các chứng tích khác hiện đã phát hiện được nằm rải rác từ Cát Tiên (Lâm Đồng) tới Tây Ninh, Sài Gòn, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang và Cà Mau.

Các nhà khảo cổ học và sử học cho rằng quốc gia này tồn tại từ thế kỷ thứ 2 đến thế kỷ thứ 9^[2] và bị thôn tính, chia rẽ bởi các quốc gia xung quanh mới nổi lên như Chân Lạp, Chăm Pa từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 9 (theo thư tịch cổ Trung Quốc như *Trần Đường thư*) cũng như do sự lục đục, chia rẽ nội bộ gây nên. Nếu đúng như vậy thì vương quốc Phù Nam có lẽ là một tiểu vương quốc theo Bà la môn giáo nằm trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay và là chư hầu của một đế chế rộng lớn như kiểu nhà Chu với các nước chư hầu ở Trung Quốc.

Văn hóa

Cư dân Phù Nam sản xuất nông nghiệp, kết hợp với làm nghề thủ công, đánh cá và buôn bán. Ngoại thương đường biển r>

Tập quán phổ biến của cư dân Phù Nam là ở nhà sàn. Phật giáo và đạo Hindu được sùng tín. Nghệ thuật ca, múa nhạc phát triển. Xã hội đã có sự phân hóa giàu nghèo thành các tầng lớp quý tộc, bình dân và nô lệ.

Lại bàn về tên gọi Phù Nam

Tác giả: Thông Thanh Khánh

Nguồn: Đông tác

Thuật ngữ chỉ về văn hóa Phù Nam chính thức được khai sinh trong một bối cảnh có nhiều quan điểm còn trái ngược nhau về việc xác định quốc gia cổ đại này.

Nền văn hoá Óc Eo vẫn còn những vấn đề chưa có lời giải đáp một cách thỏa đáng. Mặc dù chúng ta đã trải qua một hoa giáp sau sự kiện nhà khảo cổ học người Pháp Louis Malleret (thời điểm đó là giám đốc bảo tàng Blanchard de la Brosse, nay là bảo tàng lịch sử TP. HCM) tiến hành đào thám sát vào năm 1944, nhưng vấn đề về văn hóa Óc Eo của một quốc gia mang nền văn minh đô thị Phù Nam vẫn được xem là chứa nhiều bí ẩn cần được khám phá. Từ khi tiến hành đào thám sát vào mùa khô năm 1944 và mãi đến 6 năm sau trong dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Trường Viễn Đông Bác cổ EFEO (École Française d'Extrême Orient), ông mới cho công bố một cách chính thức về một nền văn hóa mang đậm yếu tố miền sông nước như Óc Eo và những vấn đề của cái gọi là quốc gia Phù Nam. Theo L. Malleret thì di chỉ Óc Eo có một mối quan hệ văn hoá khá rõ nét với các vùng khác trong khu vực. Đồng với quan điểm này, nhà nghiên cứu J. Boisselier khi tiến hành chủ sự đào thám sát ở U Thong (Thái Lan) đã công bố thêm bằng hiện vật để khẳng định về quan điểm trên. Cả hai ông đã cùng đồng thuận để xếp di chỉ Óc Eo và di chỉ U Thong vào nền văn hoá Phù Nam. Từ những ý định ban đầu này một thuật ngữ chỉ về văn hóa Phù Nam chính thức được khai sinh trong một bối cảnh có nhiều quan điểm còn trái ngược nhau về việc xác định quốc gia cổ đại này. Và rồi từ đó, dựa trên cổ sử Trung Hoa, quá trình tìm về một vương quốc ngày càng thu hút khá nhiều các nhà khoa học như G. Coedès, Yamamoto Taturô, Sungimoto, Naojiro, Inuishi Hidetoshi..., với những tranh luận nảy lửa về tên gọi và vị trí kinh đô của vương quốc Phù Nam. Dẫn đến Claude Jacques, một học giả Pháp lại buộc phải lên tiếng về những nghi ngờ của ông về hai quốc gia Phù Nam và Chân Lạp này. Nhìn chung tất cả những vấn đề của Phù Nam vẫn luôn là đề tài cần được xác định, đặc biệt là từ sau 1975, khi mà hàng loạt các di chỉ được khai quật từ vùng Ba Thê (An Giang) kéo dài đến tận Nam Cát Tiên (Lâm Đồng). Từ đó, qua những điểm khai quật và những hiện vật tìm được, chúng ta có thể hình dung ra được một không gian văn hóa Phù Nam: trải rộng hầu khắp các tỉnh miền Tây và Đông Nam Bộ, mang đậm yếu tố nội sinh với nguồn lực hấp thu từ rừng sâu, núi cao và đồng bằng trũng bởi hệ thống kênh rạch chằng chịt. Hệ thống cảng thị tiếp nối với kênh rạch là nét đặc trưng của quốc gia cổ đại Phù Nam, đã tạo nên một nguồn lực văn hóa mà phức hệ của nó vô cùng phong phú và đa dạng. Chính từ những yếu tố này mà sự phát triển của tôn giáo đã giữ vai trò chủ đạo. Nhìn chung, khi nói đến Phù Nam, người ta buộc phải nói đến những tôn giáo được truyền bá và tồn tại, trong đó nổi bật nhất vẫn là Hindu giáo và Phật giáo. Hai tôn giáo chủ đạo này đã phát triển một cách mạnh mẽ và chi phối hầu hết đời sống, văn hoá của cư dân Phù Nam. Rất tiếc rằng, gần 60 năm sau sự kiện phát hiện văn hoá Óc Eo và quốc gia cổ đại Phù Nam, vẫn chưa có một công trình nào viết về tôn giáo cả. Riêng đối với Phật giáo Phù Nam thì dường như lại càng ít được đề cập, trong khi đó hiện vật liên quan đến tôn giáo này đã tìm được khá nhiều và phổ biến hầu khắp trên những di tích đã được phát hiện. Bài viết này được rút ra từ một công trình nghiên cứu khoa học về văn hóa Phù Nam sẽ được xuất bản trong thời gian sắp đến. Chúng tôi trình bày lại về vấn đề Phật giáo như là những công bố ban đầu về đề tài này hầu cung cấp thêm thông tin cho những nhà nghiên cứu lịch sử Phật giáo Việt Nam về một nền Phật giáo ở phương Nam trong bối cảnh còn khan hiếm tư liệu như hiện nay.

1. Tên gọi Phù Nam

Chung quanh cái gọi là vương quốc Phù Nam, vẫn còn bao nhiêu điều bí ẩn. Chỉ cái tên

Kaundinya (Hỗn Điền và Kiều Trần Như) trong truyền thuyết dựng nước Phù Nam cũng đã tốn hao bao nhiêu giấy mực thảo luận. Trong hội nghị khoa học về Đông Nam Á thời cổ ở Luân Đôn năm 1973 - mà tài liệu công bố năm 1979 - Claude Jacques, học giả Pháp đã nêu ra một loạt nghi vấn quanh vấn đề Phù Nam và Chân Lạp. Ý kiến được nhiều người thừa nhận, do L. Finot đưa ra và được G. Coedès, P. Dupont phát triển, cho rằng Phù Nam là phiên âm từ bnam (hay vnam), có nghĩa là Núi, ứng với danh hiệu Vua Núi, tức kurun bnam trong tiếng Khmer cổ, và parvatabùpàla, từ sanskrit đã gặp trên bi ký. Nhưng Claude Jacques đã cho biết rằng cái tên kurun bnam chưa bao giờ tìm thấy trên bi ký Khmer, còn cái tên parvatabùpàla chỉ gặp ở bi ký Han Cei mà thôi. Trên bi ký Han Cei, từ parvatabùpàla xuất hiện h, nhưng cả hai lần đều viết với số nhiều nghĩa là “các vua núi”. “Các vua núi” này bị một vua Bhavarman nào đó đánh bại. Không có lý do nào để coi các vua núi ở đây là vua Phù Nam, chúng ta chỉ có thể nghĩ như Claude Jacques, rằng đó chỉ đơn giản là những vua vùng núi cùng thời.

Về Bhavarman, thì Coedès cho là đã trở thành vua Chân Lạp sau khi kết hôn với bà chúa Kambujaràalaksmi thuộc dòng dõi vua Sresthavarman. Kết luận này Coedès rút ra từ bia Ta Prohm mà ông đã công bố, từ khi còn là một học giả thanh niên. Nhưng Claude Jacques đã chỉ ra một cách rõ ràng chỗ nhầm lẫn của Coedès khi đọc bia Ta Prohm. Theo bia này, Kambujaràalaksmi không phải là vợ của Bhavarman như Coedès nói, mà là vợ của một ông vua khác có tên là Harsavarman. Như vậy không có chứng cứ để coi Bhavarman là vua Chân Lạp, và kẻ bị ông chinh phạt là vua Phù Nam. Do một chỗ nhầm lẫn đó, toàn bộ giả thuyết của Coedès rõ ràng đã không đứng vững. Những điều mà ta tưởng là đã sáng tỏ thì vẫn mờ mịt.



Nhà khảo cổ Louis Malleret

(Goldfish sưu tầm)

Theo Jacques, trên đất Khmer cổ có nhiều vương quốc, mà trong đó biết rõ nhất là Bhavapura, Aninditapura, Vỳadhapyra, Srésthapura. Cũng có thể kể thêm các thành trấn thời kỳ tiền Angkor, có thể đã là những lãnh thổ độc lập như Amoghapura, Cakrankapura, Bhimapura, Tàmrapura, Dhavipura, Purandarapura, Lingapura, Ugrapura, Dhruvapura. Theo Jacques, những cái tên này cho chúng ta một ý niệm chính xác về địa lý của đất khơme cổ hơn là những cái tên Phù Nam hay Chân Lạp - những từ, dưới dạng đó không có trong ngôn ngữ Khmer.

Năm 1981, Lương Ninh cũng đã trình bày một suy nghĩ tương tự, cho rằng “không thể hình dung Phù Nam là một đế quốc đã được tổ chức thống nhất thành một bộ máy cai trị và bóc lột” mà “chỉ là sự tập hợp của những tiểu quốc, trong đó mỗi tiểu quốc vẫn giữ nguyên tổ chức, tên gọi riêng và cả truyền thống của mình”. Điều thú vị là Lương Ninh đã định vị một tiểu quốc trong số đó là Naravarmanagara ở miền Tây sông Hậu, mà Óc Eo là nằm trong đất của quốc gia này. Hiển nhiên đây cũng chỉ là một giả thuyết, Óc Eo có thể nằm trong đất Naravarmanagara, thậm chí là thủ đô của quốc gia này, nhưng cũng có thể quốc gia này không kéo dài đến đây.

Dẫu sao thì việc coi các vết tích đã khai quật được ở Óc Eo thuộc văn minh Phù Nam cũng là vội vã, khi chúng ta chưa biết Phù Nam là gì?

Với những hoài nghi của Claude Jacques đã có những yếu tố để chúng ta cùng đồng cảm. Thật ra, với danh xưng Phù Nam mà các nhà chép sử Trung Hoa ghi chép, luôn đặt lại vấn đề cho chúng ta ngày nay. Điều cần bàn thêm rằng, các nhà chép sử Trung Quốc đã gọi Phù Nam theo phiên âm từ ngôn ngữ nào. Chúng ta cần lưu ý, tài liệu ghi chép được thông qua chính bởi

cách gọi đương thời của quốc gia ấy. Các nhà chép sử Trung Hoa thông qua văn thư ngoại giao và phái đoàn ngoại giao khi tìm đến cống nạp đầu tiên để gọi vùng hay lãnh thổ quốc gia này. Và một điều nữa, Phù Nam chỉ tồn tại trong khoảng 7 thế kỷ với một cương thổ bao chiếm phần lớn khu vực Đông Nam Bộ vùng hạ lưu sông Mêkông và trải dài đến Mianma, rồi sau đó bị Chân Lạp thôn tính, biến thành những tiểu quốc mang tính độc lập khác nhau. Chính vì yếu tố này, chúng ta cần phải xác định lại tính nguyên khởi của tên gọi Phù Nam trong bối cảnh trước khi trở thành một đế chế rộng lớn như các cổ sử Trung Hoa đã từng gọi cho quốc gia Chămpa. Trong Cựu đường thư hay Hậu Hán thư, giới sử học Trung Hoa đã ghi chép đến hai quốc gia mang tính liên hoàn đó là nước Hồ Tôn và nước Chí Tôn. Hai quốc gia láng giềng này đã thực thụ có một mối quan hệ như thế nào trong quá trình hình thành và phát triển, là hướng gợi mở cho chúng ta có phương pháp tiếp cận. Thật ra câu chuyện được ghi chép một truyền thuyết về hai thị tộc trong cộng đồng người Chăm đã phần nào hé mở cho chúng ta về truyền thuyết các dòng họ vương Tôn xuất thân từ hai dòng họ lớn. Mỗi dòng họ lấy một vật tổ (Totem) làm biểu tượng. Dòng vương Tôn ở phía Nam lấy cây Cau (Kramuka vansa) làm biểu tượng, gọi là bộ tộc hay thị tộc Cau. Dòng vương tôn phía Bắc lấy cây Dừa (Narukela yamisa) làm biểu tượng, gọi là bộ tộc hay thị tộc Dừa. Truyền thuyết ghi rằng hai dòng họ đánh nhau liên tục để giành lãnh thổ, nhưng cuối cùng phải tạm thời chia nhau để trị; bộ tộc Cau cai quản phương Nam và bộ tộc Dừa ngự trị phương Bắc. Sự phân định ranh giới ấy như là cách ấn định vùng ngự trị của cả hai Bộ Tộc, tiến đến sự tách bạch thành hai quốc gia độc lập. Nếu theo cách gọi của ngữ hệ Malayo- Polynésien thì rõ ràng dòng họ Dừa được gọi là Li-U và sử gia Trung Hoa phiên âm thành Li-Y (Lâm Ấp), và dòng họ Cau được gọi là Fou-Nun tiếng Trung Hoa phiên âm là Fou-Nan (Phù Nam). Điều này càng minh định rõ hơn khi mà cả hai dòng họ xác định dòng dõi của mình cụ thể rằng bộ tộc Dừa có tổ tiên thuộc dòng Biển (A-Tau tathik) và bộ tộc Cau thuộc dòng Núi (A-Tauchok). Cách gọi nước Hồ Tôn Tinh và Chí Tôn mà sử gia Trung Hoa đề cập là cách gọi trại từ Atau-Tathik thành Hồ Tôn và Atau-Chok thành Chí Tôn. Từ đó chúng ta thấy, quá khứ họ từng là hai bộ tộc sống hòa thuận, nhưng vì tranh giành lãnh thổ nên hai bộ tộc đã tiến hành những cuộc chiến tranh, để cuối cùng chia ra thành hai quốc gia đối lập đó là Lâm Ấp và Phù Nam.

2. Vấn đề biên giới Phù Nam và dấu ấn Phật giáo

Theo P. Pelliot thì vào thế kỷ thứ III, khi đã khuất phục những vương quốc lân cận, Srimara xưng tước Đại Vương Phù Nam, để đi khắp nơi trên biển lớn đánh vào hơn 10 quốc gia khác. Trùng lặp với sự kiện này, sách Lĩnh Nam Chích Quái viết: “Xưa kia bên ngoài lãnh thổ Âu Lạc có một vương quốc mang tên Diệu Nghiêm (có thể là Phù Nam). Vị vua của vương quốc này có tên là Tràng Minh, hiệu Quỷ vương (Dasanana) có mười đầu. Phía bắc vương quốc có một vương quốc khác tên Hồ Tôn Tinh (quốc gia của người khỉ) do vua Dasaratha cai trị. Hoàng tử Chung Tư (Rama), người kế vị vua Dasaratha, có một người vợ là công chúa Bạch Tinh (Sati). Công chúa Bạch Tinh có một sắc đẹp tuyệt trần không giống như người phàm. Quỷ Vương mê hồn trước sắc đẹp của Bạch Tinh, mang binh sang đánh nước Hồ Tôn Tinh cướp công chúa về nước. Hoàng Tử Chung Tư quá căm giận, dẫn đầu một đoàn hầu binh xé núi, băng biển tiến vào vương quốc Diệu Nghiêm, giết Quỷ vương, đưa công chúa Bạch Tinh về”.

Theo nhận xét của học giả Huber (La Légende du Ramayana en Annam, Etudes indochinoises), Hồ Tôn Tinh có thể là vương quốc Chămpa cổ. Những quốc gia chịu ảnh hưởng nền văn minh Ấn Độ thời đó đều có sự tích giống nhau, tại Indonésia trong các đền thờ Bà La Môn lớn đều khắc chuyện thần thoại này trên đá. Chuyện Quỷ vương có mười đầu chỉ là một cách mô tả “thô thiển” ngai vàng của các vị vua trong thần thoại Ấn Độ, và Phù Nam thường có hình con rắn hổ mang (naja) mười đầu.

Dựa vào một văn bia viết bằng chữ Sanskrit được phát hiện tại làng Võ Cạnh thuộc Thành Phố Nha Trang ngày nay, chúng ta biết vào thế kỷ II-III, một triều đại có tên gọi Srimala được hình thành, triều đại này được xem là triều đại được biết sớm nhất thông qua bi ký tìm thấy ở Việt Nam. Và bi ký Võ Cạnh là bi ký có mặt sớm nhất ở Đông Nam Á. Về mặt niên đại, từ những sự kiện về triều đại Srimara, một lần nữa cho chúng ta biết được địa bàn tồn tại của quốc gia

cổ Phù Nam thật rộng lớn. Địa bàn xuất phát và nơi khai sinh ra thị tộc Cau, được đánh dấu bằng tấm minh văn mà nội dung của nó nói theo G. Coedès “thấm đậm tinh thần Phật giáo”. Căn cứ vào truyền thuyết dòng họ Cau - Dừa chúng ta có thể xác định nơi phát tích của thị tộc Cau thuộc dòng Khauthara (Nha Trang). Chính vì vậy mà vị hoàng đế mang miếu hiệu Srimara trong thời gian trị vì của mình đã cho đặt tấm minh văn nhằm ghi dấu nơi khởi phát của tổ tiên trong tiến trình nam tiến về vùng đầm lầy lưu vực sông Mêkông trải dài đến Mianma. Tiến trình nam tiến ấy là quá trình chinh phục thị tộc thuộc lưu vực sông Mêkông. Bên cạnh đó, với sự thiên di của các dân tộc hải đảo từ thế kỷ thứ II TTL cho đến thế kỷ thứ I STL^[3] giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương đã là bối cảnh chung cho những tiếp xúc văn hoá giữa các cộng đồng tiền sử và cổ Đại ở trong vùng. Vào cuối thời đại đá mới, đã có những giao lưu hai chiều giữa các tộc người ở Ấn Độ và Đông Nam Á bằng đường biển vượt Ấn Độ Dương vào vịnh Thái Lan bên cạnh một đợt thiên di và hoằng pháp của các vị tu sĩ, các thương gia buôn bán hương liệu vượt cao nguyên Tây Tạng men theo dòng sông Mêkông đến Mianma, rồi xuôi về vùng hạ lưu thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Sau nhiều thế kỷ tiếp xúc đã dần dần du nhập vào các dân tộc thuộc châu thổ sông Cửu Long nền văn hoá Ấn Độ mang hơi thở tôn giáo. Óc Eo từ đó trở thành một trung tâm văn hóa Phù Nam phát triển từ đầu công nguyên cho đến thế kỷ thứ 7 trên đồng bằng Nam Bộ. Bắt đầu từ ranh giới Võ Canh (Nha Trang ngày nay) kéo dài đến vùng Mé Nam và bán đảo Mã Lai và cả vùng Hải đảo phía Nam, mà một hình ảnh cụ thể có thể hiểu là: một tập hợp các tiểu vương quốc và những bộ lạc lớn được phân bố theo tộc người. Trong vùng hội tụ của những dòng giao lưu giữa các tộc người khác nhau của cổ vương quốc Phù Nam rộng lớn thông qua con đường truyền giáo và buôn bán đã có những quan hệ văn hoá mở rộng đến Trung Hoa, Java, Thái Lan, Mã Lai, Ấn Độ, Địa Trung Hải, Trung Á..., với một nền văn minh cảng thị tiên tiến. Chính từ nền văn minh cảng thị ấy, một nguồn lực tôn giáo được khởi mở đã hóa độ được một ông vua từng có thành tích chuyên đi chinh phục các nước láng giềng trở thành một Phật tử thuần thành để rồi khắc lên ý nguyện mang đậm yếu tố giáo lý Phật giáo trong bài minh văn của bi ký Võ Canh gắn chặt triều đại Srimara và dấu ấn Phật giáo khó phai mờ.

Thông Thanh Khánh, VĂN HOÁ PHẬT GIÁO SỐ 10 - THÁNG 11-2005

Lược sử vùng đất Nam bộ Việt Nam: Giai đoạn từ thế kỷ I đến thế kỷ VII

Nguồn: Báo điện tử Đảng Cộng Sản VN

Ngày 16/7/2007

Trên cơ sở phát triển kinh tế - xã hội cuối thời kỳ đồng thau, sơ kỳ đồ sắt, dưới tác động của văn minh Ấn Độ, khoảng đầu công nguyên, vùng đất Nam Bộ bước vào thời kỳ lập quốc. Căn cứ vào những ghi chép trong các thư tịch cổ Trung Quốc thì vào khoảng thời gian đó ở phía nam của Lâm Ấp (Champa), tương ứng với vùng đất Nam Bộ ngày nay, đã xuất hiện một quốc gia có tên gọi là Phù Nam.

Quyển sách có niên đại sớm nhất đề cập tới Phù Nam là *Dị vật chí* của Dương Phù thời Đông Hán (25-220). Đến thời Tam Quốc (220-280), Phù Nam đã thiết lập quan hệ bang giao với nước Ngô. Theo *Ngô thư* thì vào tháng chạp năm Xích Ô thứ sáu (243), Vua Phù Nam là Phạm Chiên sai sứ dâng nhạc công và phương vật. Sau đó, khi đánh chiếm Giao Châu và Cửu Chân, Vua Ngô đã sai người đến các nước phương Nam, Vua các nước Phù Nam, Lâm Ấp và Minh Đường đều sai sứ dâng cống. Sau đó, sách *Lương thư* còn cho biết Tôn Quyền nước Ngô đã sai Tuyên hoá tông sự Chu Ứng và Trung lang Khang Thái đi sứ các nước phía Nam, trong đó có Phù Nam. Sau khi đi sứ về, Khang Thái có viết quyển *Phù Nam thổ tục* còn gọi là *Phù Nam truyện*.

Các sách có niên đại muộn hơn vào các thế kỷ VI-VII như *Trần thư*, *Tuỳ thư*, *Thông điển*, *Tân Đường thư*... đều có chép khá tỉ mỉ về Phù Nam.

Như vậy, nguồn sử liệu thư tịch của Trung Quốc không chỉ ghi nhận sự tồn tại của Vương quốc Phù Nam ở vùng đất tương ứng với vùng đất Nam Bộ, mà còn ghi nhận các mối quan hệ rộng và liên hệ rất thường xuyên của vương quốc này với các triều đại phong kiến Trung Quốc. Tuy nhiên, trong một thời gian dài nền văn minh cổ đại của cư dân Nam Bộ chỉ được biết đến qua các thư tịch cổ.

Năm 1944, nhà khảo cổ học Pháp Ma-lơ-rê (Louis Malleret) đã tiến hành một cuộc khai quật có ý nghĩa lịch sử ở địa điểm Ốc Eo. Nhiều di tích kiến trúc và hiện vật quý đã phát hiện. Những di vật tìm thấy trong di chỉ này và những di chỉ khác thuộc văn hoá Ốc Eo đã được chứng minh chính là di tích vật chất của nước Phù Nam. Niên đại các di chỉ thuộc văn hoá Ốc Eo phù hợp với thời kỳ tồn tại của quốc gia Phù Nam được phản ánh trong các sử liệu chữ viết

Những phát hiện mới về văn hoá Ốc Eo trong thời gian gần đây cho thấy nền văn hoá này phân bố rất trù mật trên địa bàn các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang và nhiều địa điểm khác thuộc đồng bằng Nam Bộ. Hơn thế, các nhà khoa học đã phát hiện nhiều chứng tích của giai đoạn văn hoá tiền Ốc Eo trên đất Nam Bộ, chứng tỏ đây là một nền văn hoá có nguồn gốc bản địa mà trung tâm là vùng đất Nam Bộ và có quan hệ giao lưu rộng rãi với thế giới bên ngoài. Bên cạnh quan hệ thường xuyên với các vùng lân cận, dấu tích vật chất cho thấy sự liên hệ khá mật thiết với Trung Quốc, Ấn Độ, Tây Á và Địa Trung Hải.

Trong các năm 1994-1995, các nhà khảo cổ học đã phát hiện ở gò Cây Tung (An Giang) một di tích kiến trúc gạch, có niên đại khoảng thế kỷ IX- X. Ở dưới lớp kiến trúc có một tầng cư trú dày rõ ràng là trước Ốc Eo với những hiện vật phong phú, bao gồm đồ gốm văn thừng có vẽ màu, hơn 40 chiếc rìu đá cùng với các bàn mài, chày nghiền... Điều đáng chú ý là ở đây đã tìm thấy loại rìu đá có hình tứ giác (chứ không gập rìu có vai) và có một gờ nổi ở giữa lưỡi. Loại rìu

này gần giống loại “bôn có mỏ” (beaked adze) được tìm thấy ở Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a. Tuy bôn có mỏ kiểu Ma-lai-xi-a khác bôn ở In-đô-nê-xi-a, nhưng khu vực phân bố của các kiểu bôn có mỏ đã được xác định là vùng phân bố của cư dân nói tiếng Mã Lai - Đa Đảo (Malayo-Polynésien) hay Nam Đảo (Austronésien). Những đồ gốm ở gò Cây Tung cũng có miệng, có nhiều gờ, rất giống với những hiện vật đã được tìm thấy ở Ma-lai-xi-a.

Cùng với di chỉ gò Cây Tung, những di vật mà mộ táng được phát hiện ở các di chỉ khác như ở Lộc Giang (An Giang), Long Bửu, gò Cao Sù (Long An), giồng Phệt, giồng Cá, Vồ (huyện Cần Giơ, thành phố HCM)... đều góp phần khẳng định Óc Eo là một nền văn hóa có nguồn gốc bản địa, có quan hệ mật thiết với văn hóa Sa Huỳnh ở miền Trung mà chủ nhân chủ yếu của nền văn hóa này là những cư dân Mã Lai - Đa Đảo.

Về mặt nhân chủng, từ năm 1944, Ma-lơ-rê và Bu-xcác-đơ (Bouscarde) đã phát hiện ở Rạch Giá một di tích khác thuộc văn hóa Óc Eo. Cùng với nhiều đồ gốm giống hệt như những đồ vật tìm thấy ở chính di chỉ Óc Eo, người ta còn tìm thấy 6 sọ người cùng với nhiều xương tay chân. Theo giám định của nhà nhân chủng học Gê-nê Vác-xanh thì tất cả những sọ người này đều thuộc người tiền Mã Lai (Protomalais), giống với loại hình chủng tộc của những cư dân thượng nói tiếng Mã Lai - Đa Đảo ở Tây Nguyên. Gần đây, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã tìm thấy hàng trăm ngôi mộ và di cốt người nhưng rất ít hộp sọ nguyên vẹn có thể đo đạc chỉ số để xác định thành phần nhân chủng. Riêng ở di chỉ Gò Tháp (Đồng Tháp) và Óc Eo (An Giang) tìm thấy 2 sọ cổ mang đặc điểm nhân chủng tiền Mã Lai.

Xét về mặt ngôn ngữ, trong sách *Lương thư* có một chi tiết quan trọng, theo đó có một nước trong biển cả tên là Tì Kiến, cách Phù Nam đến 8.000 dặm, lại có ngôn ngữ không khác mấy so với Phù Nam. Tì Kiến là tên gọi trong thư tịch cổ Trung Hoa của địa danh Pekan, một vùng nằm ở Đông Nam bán đảo Mã Lai. Như vậy theo nhận xét của các tác giả *Lương thư*, bộ chính sử của một triều đại Trung Hoa có quan hệ thường xuyên và mật thiết với Phù Nam thì tiếng nói phổ biến của cư dân nước này giống với tiếng của người Mã Lai. Điều này có nghĩa xét về mặt ngôn ngữ, đây là thứ tiếng khác hẳn với các cư dân nói tiếng Nam Á ở vùng Đông Nam Á lục địa.

Về mặt chữ viết theo các nhà nghiên cứu thì Phù Nam sử dụng chữ Phạn (Sanskrit) có nguồn gốc từ bộ chữ cái của người Pa-la-va (Pallava), Ấn Độ.

Theo sách *Tấn thư* thì tang lễ và hôn nhân của Phù Nam gần giống với Lâm Ấp mà văn hóa truyền thống của cư dân Lâm Ấp thuộc loại hình Mã Lai - Đa Đảo là điều đã được khẳng định.

Những dấu vết khảo cổ cũng cho thấy văn hóa vật chất vùng Tây sông Hậu rất gần với người Chăm. Chính Ma-lơ-rê khi tiến hành khai quật văn hóa Óc Eo cũng đã từng nhận xét rằng các kiến trúc ở đây “Phần lớn được lợp mái ngói bằng, một kiểu khác hẳn ở Angkor”. Nhiều viên chì lưới tìm thấy ở Óc Eo chứng tỏ cư dân miền Tây sông Hậu đã phát triển nghề đánh cá. Những dấu vết còn lại của hệ thống kênh đào đã nói lên kinh nghiệm và tài nghệ trong khả năng làm thủy lợi, khai phá và canh tác ở đồng bằng trũng thấp của nhóm Mã Lai - Đa Đảo ven biển.

Trong quá trình mở rộng ảnh hưởng từ thế kỷ III đến thế kỷ VI, Phù Nam đã phát triển thành đế chế lớn mạnh. Theo sử liệu Trung Hoa, các vua Phù Nam bắt đầu từ đời thứ 5 là Phạm Mạn đã liên tục thôn tính hơn 10 nước mở rộng lãnh thổ đến 5, 6 nghìn dặm bao gồm các nước Đô Côn, Cửu Trì, Đốn Tốn, Xích Thổ, Bàn Bàn, Đan Đan... những tiểu quốc này đều nằm trên bán đảo Mã Lai và một phần hạ lưu sông Mê Nam. Mức độ phụ thuộc của các tiểu quốc này không giống nhau được gọi là thuộc quốc, ki mi (ràng buộc lỏng lẻo) hoặc chi nhánh của Phù Nam. Đến thế kỷ V, tiểu quốc của người Cát Miệt ở vùng biển Hồ Tongle Sap cũng trở thành một thuộc quốc. Cát Miệt chính là phiên âm chữ Hán tộc danh Khơ-me. Trong nhiều thư tịch cổ, thuộc quốc này, sau này có tên gọi là Chân Lạp (Tchenla). Về mặt lịch sử, các tư liệu trong thư tịch cổ Trung Quốc phân biệt rất rõ Phù Nam với Chân Lạp. Phù Nam là một quốc gia ven biển mà trung tâm là vùng Nam Bộ ngày nay của Việt Nam, cư dân chủ thể là người Mã Lai - Đa Đảo

có truyền thống hàng hải và thương nghiệp khá phát triển. Trong thời kỳ cường thịnh, Phù Nam đã mở rộng ảnh hưởng, chi phối toàn bộ vùng vịnh Thái Lan và kiểm soát con đường giao thông huyết mạch từ Nam Đông Dương sang Ấn Độ qua eo Kra.

Sau một thời kỳ phát triển rực rỡ, đế chế Phù Nam bắt đầu quá trình tan rã vào cuối thế kỷ VI. Chân Lạp do người Khơ-me xây dựng, lúc bấy giờ ở vùng trung lưu sông Mê Kông và khu vực phía Bắc Biển Hồ, lấy nông nghiệp là nghề sống chính, là một thuộc quốc của Phù Nam. Mặc dù là thuộc quốc của Phù Nam, nhưng Chân Lạp đã nhanh chóng phát triển thành một vương quốc độc lập vào thế kỷ VI và nhân sự suy yếu của Phù Nam đã tấn công chiếm lấy một phần lãnh thổ của đế chế này vào đầu thế kỷ VII.

Phần lãnh thổ đó tương đương với vùng đất Nam Bộ của Việt Nam ngày nay. Sách *Tùy thư* chép rằng nước Chân Lạp ở về phía Tây Nam Lâm Ấp, nguyên là một chư hầu của Phù Nam. Vua nước ấy là Ksatriya Citrasena đã đánh chiếm và tiêu diệt Phù Nam. Sách *Tân Đường thư* cho biết cụ thể hơn là vào đầu niên hiệu Trinh Quán nhà Đường (627-649) “Trong nước Phù Nam có thay đổi lớn. Nhà Vua đóng đô ở thành Đặc Mục, thành lỵ bị nước Chân Lạp đánh chiếm, phải chạy trốn về Na Phất Na”. Theo các nhà nghiên cứu thì Na Phất Na là một vùng ở miền Tây sông Hậu. Cư dân ở đây là một phân cực Nam của nhóm Mã Lai - Đa Đảo ven biển. Căn cứ vào sự kiện năm 627 Phù Nam còn đến tiến cống nhà Đường, có thể thấy chắc chắn sự kiện nước Phù Nam bị tiêu diệt phải xảy ra sau năm này.

Như vậy, Phù Nam là một quốc gia có cư dân và truyền thống văn hóa riêng của mình. Với hiểu biết khoa học cho đến ngày nay có thể thấy đó là quốc gia hình thành và phát triển trên vùng đất có vị trí giao thoa nên có nhiều lớp cư dân đan xen. Căn cứ vào những tư liệu thư tịch, những đặc trưng phổ biến của văn hóa Óc Eo qua các di vật khảo cổ, có thể nhận ra rằng bộ phận cư dân chủ yếu của vương quốc Phù Nam có quan hệ mật thiết với truyền thống văn hóa của người Mã Lai - Đa Đảo. Xác định thành phần tộc người của cộng đồng cư dân Phù Nam còn phải tiếp tục nghiên cứu, nhưng giống như các nước Đông Nam Á khác, với đặc tính đa tộc người, bên cạnh người Mã Lai - Đa Đảo trong thành phần cư dân còn có những tộc người khác. Nước Chân Lạp thành lập ở phía Đông Bắc Phù Nam mà cư dân thuộc ngôn ngữ Môn-Khmer nên có thể nghĩ rằng có những nhóm tộc người Môn-Khmer cổ đã có mặt trên vùng đất giáp ranh và sống xen kẽ với người Mã Lai - Đa Đảo. Sự mở rộng ảnh hưởng về phía Tây của Phù Nam đã biến một số cư dân bán đảo Mã Lai, vùng hạ lưu sông Mê Nam và Biển Hồ Tongle Sap thành thuộc quốc. Vào cuối thế kỷ VI, đầu thế kỷ VII, nhân lúc Phù Nam suy yếu, quốc lỵ lần lượt trở thành các vương quốc độc lập. Riêng Chân Lạp, nhân cơ hội đó đã tấn công và chiếm lấy một phần lãnh thổ Phù Nam ở vùng hạ lưu sông Mê Kông. Như vậy, từ chỗ là một vùng đất thuộc Phù Nam - một quốc gia độc lập và hùng mạnh, sau năm 627, vùng đất Nam Bộ đã bị Chân Lạp đánh chiếm.

(Theo sách *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, GS, TS Vũ Minh Giang chủ biên, NXB Thế Giới)

Giao thương giữa đồng bằng Nam bộ đầu Công nguyên

Tác giả: Hoàng Xuân Phương

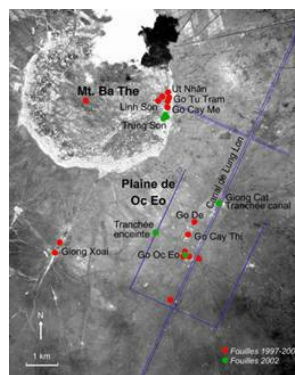
Nguồn: Tạp chí Kiến thức ngày nay, số 609, ngày 10/07/2007, trang 33-37

Đánh máy: Goldfish

Theo sự hướng dẫn của viên hoa tiêu người bản xứ, các con tàu chở hai sứ thần Trung Hoa là Chu Ứng và Khang Thái vượt qua mũi Vũng Tàu tiến về vịnh Cần Giờ, rồi theo dòng sông lớn mà đi về phía mặt trời lặn để đến kinh đô Phù Nam, lúc bấy giờ nằm trong khoảng Ba Thê phía tây đồng bằng Nam bộ. Đoàn tàu phương Bắc như được tiếp sức bởi nắng ấm và gió mát của đất nước miền Nam, nhanh chóng vượt qua chặng đường 500 lý^[4] trên những dòng nước mênh mông nằm giữa các cánh rừng thâm u, nơi đàn khỉ đu cành, chim chóc chuyền nhánh, và những con người đầu đỏ sống hoà quyện với thiên nhiên.

Thực ra đất nước Nam bộ trong thế kỷ thứ ba không thâm u như những cánh rừng già mà giao thương sinh động giữa các trung tâm dân cư đông đúc nằm trên các bờ biển bờ sông, và giữa cư dân bản xứ với các đoàn tàu viễn dương hoạt động trên >

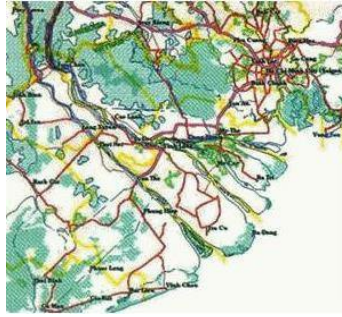
Cho tới khi nước biển hạ xuống thấp trong năm 200 của kỳ hải thoái Óc Eo thì phù sa các dòng Cửu Long vẫn chưa lấp đầy nhánh biển chạy dài từ phía Rạch Giá ra cửa Cần Giờ. Trên bờ là một dãy các trung tâm buôn bán sầm uất, từ Nền Chùa trong tỉnh Kiên Giang đến thương cảng chính ở Ba Thê - Óc Eo, rồi Đá Nổi Phú Hòa, Long Phú Sa Đéc, Gò Thành Vĩnh Long và các thị tứ trù phú nơi vùng Mỹ Tho - Gò Công trước khi đến một thương cảng khác nằm đâu đó trong khoảng Cần Giờ.



Thương cảng Ba Thê- Óc Eo, trung tâm thương mại đồng bằng Nam bộ giai đoạn Phù Nam, thế kỷ I-VI ^[5]

Hải lộ băng qua đồng bằng châu thổ Cửu Long là đặc trưng của thiên nhiên Nam bộ trong các thế kỷ đầu Công nguyên do bởi tác động xâm thực và bồi đắp của các kỳ hải xâm và hải thoái. Kể từ sau giai đoạn biển dâng Flandrien cách nay 6.800 đến 3.600 năm làm ngập sâu châu thổ và hình thành nhánh biển vắt ngang đồng bằng thì nơi đây đã trải qua 7 kỳ tiến thoái liên tiếp của biển, bao gồm hải thoái Rạch Giá (1650-1150 tCN), hải xâm Bến Đá (1150-850tCN), hải thoái Long An (850-200tCN), hải xâm Rạch Núi (200tCN-50sCN), hải thoái Óc Eo (50-350), hải

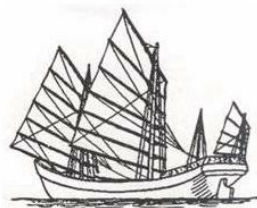
xâm Đông Hải (350-1150), hải thoái Miền Tây (1150 đến nay). Vào mỗi kỳ hải xâm nơi đây là nhánh biển, sang kỳ hải thoái nó trở thành vịnh biển, và khi biển rút sâu hơn thì các lạch biển nằm dọc theo bờ - tiếng cổ gọi là *uất* hay *sông úc* - được đào lòng trở lại và một hải lộ xuyên suốt trước đó nay trở thành các đoạn thủy lộ gồm nhiều sông rạch nối tiếp nhau.



Hải lộ giao thương nối trực tiếp từ vịnh Rạch Giá đến mũi Vũng Tàu trong các thế kỷ đầu Công nguyên

Hoạt động giao thương giữa đồng bằng Nam bộ trong các thế kỷ đầu Công nguyên đã được nói tới trong nhiều thư tịch cổ, từ ký sự các phái bộ triều đình, những ghi chép của nhà truyền giáo, và các ghi nhận của các chủ tàu buương Tây cũng như phương Đông lúc bấy giờ đi lại trên *con đường hương liệu* còn gọi là con đường gia vị hay con đường tơ lụa phía Nam. Đầu tiên Khương Thái ghi vào tập ký sự của mình tên gọi Phù Nam cho vùng sông nước Cửu Long. Cùng với Chu Ứng, ông cầm đầu phái bộ Trung Hoa du hành tìm hiểu các nước nơi vùng Biển Nam trong các năm 228 đến năm 243. Chính các ông đã nhìn thấy sự trù phú của vùng đất phương Nam, và những con tàu lớn tại đó có sức chở lên đến sáu, bảy trăm người với bốn mươi hay năm mươi tay chèo, trong số có các con tàu Ba Tư đặc trưng bởi 7 cánh buồm. Cũng trong thế kỷ thứ ba, Wan Chen trong *Chuyện lạ ở phương Nam* viết rằng con tàu Phù Nam là loại thuyền mảnh rất lớn có 4 cột buồm với các cánh buồm đặt nằm nghiêng. Cách sắp xếp này cho phép tất cả các cánh buồm đều nhận được gió và chiếc thuyền có thể điều chỉnh để lướt nhanh hay chậm cả khi di chuyển trên sông hay trên biển. Đến thế kỷ thứ năm thì giao thương tại đó hết sức nhộn nhịp và rất có quy củ. Liu Ching-Shu trong *Kỳ viên* cho biết giao dịch tàu biển được trả bằng vàng, người ta có thói quen thuê tàu đi đông đi tây, xa hay gần, và người chủ chỉ được trả công khi con tàu đến nơi đúng hẹn.

Trước đó, theo chân các nhà buôn Nabat ở Petra nơi vùng Trung Đông, những người La Mã có lẽ cũng đã đi theo hải trình của người Ấn qua vịnh Bengal đến vùng Đông Nam Á. Trong số các di vật tìm thấy ở thương cảng Óc Eo có những đồng tiền La Mã và mề đay bằng vàng in hình hoàng đế Antonius Pius năm 152 năm chung với gương đồng Hậu Hán. Năm 166 một phái bộ do hoàng đế Marcus Aurelius phái đến Trung Hoa cũng đã dừng chân tại một địa điểm gọi là Ri Nan - Đây có thể là tên gọi Phù Nam, cũng có thể tên gọi thương cảng nằm nơi cửa ngõ phía đông giữa vùng duyên hải Bà Rịa - Đồng Nai ngày nay. Trong các năm 671 - 695 nhà sư I-Ching cũng đến Phù Nam mà ông gọi là Pô Nan bằng tàu buôn để tìm hiểu tình hình Phật giáo tại đó, lộ trình đường biển lúc bấy giờ vẫn được giữ nguyên cho đến thế kỷ thứ VIII. Nhưng đến thế kỷ thứ XIII khi Marco Polo đi từ Trung Hoa đến Mã Lai thì con tàu phải đi vòng qua mũi Cà Mau. Có thể nước biển dâng cao trong các năm 650 đã làm chìm ngập các đô thị trên bờ vịnh cổ và rồi hải lộ bằng qua đồng bằng cũng bị bồi lấp dẫn đến suy thoái các trung tâm buôn bán cổ nằm giữa đồng bằng Nam bộ.



Một loại thuyền mảnh Phù Nam

Trong số các hạ tầng kỹ thuật phát triển giao thương, Nam bộ có ưu thế về tiện nghi sông nước, phương tiện tàu thuyền và sản vật nhiệt đới. Lúc bấy giờ sông Hậu hoạt động mại đào lòng nhanh hơn trên một đường sục châu thổ và dần dà lấy nước rồi làm tắc dòng các con sông cổ chảy về phía nam Angkor Borei và về phía nam Vàm Nao, bồi lấp thành các nền cư trú mới nằm giữa vịnh biển trong khoảng Nhơn Nghĩa gần Cần Thơ từ các năm 275. Đến kỳ hải xâm Đông Hải thì các nền này lại bị chìm ngập và cư dân di chuyển về phía các giồng cao Trà Vinh trong khoảng Lưu Cù. Trong khi đó, sông Tiền, dưới tác động của hiện tượng lún đáy châu thổ mạnh về phía đông, tiếp tục chảy theo hình bậc thang dọc theo các bờ biển cổ, từ Tân Châu đến Hồng Ngự, từ Khánh Hoà đến Vàm Nao, và từ Long Xuyên qua Sa Đéc đến Mỹ Tho trước khi đổ ra biển theo hướng cửa Đại ngày nay.



Thuyền buồm 4 cột Phù Nam di chuyển trên biển

Việc dịch chuyển sông rạch từ tây sang đông làm cô lập nhiều trung tâm văn hoá cổ nhất trong vùng Thất Sơn. Nhưng điều ít ai ngờ tới là trước những biến đổi bất lợi này mà *một kỹ thuật dân sự đã được khai sinh giữa đồng bằng Nam bộ: Kỹ thuật khai đào đường nước*. Có đến hàng trăm cây số sông đào, kinh đào và hào nước được thiết lập từ thế kỷ IV trước Công nguyên đến thế kỷ VI, ban đầu nhằm nối liền các trung tâm dân cư trên các dòng sông đang hồi cạn kiệt, sau này được tiếp tục khai thác như những thuỷ lộ giao thương hữu hiệu nối liền các hải cảng duyên hải với các thị tứ nằm sâu bên trong nội địa. Đoạn sông đào dài nhất gần 90km, nối từ thương cảng Óc Eo đến trung tâm dân cư Lò Mo phía nam núi Sam rồi đến thành phố Angkor Borei nằm trên bờ sông Hậu. Đoạn sông rộng nhất dài hơn 20km nối giữa kinh đô Phù Nam ở Ba Thê - Óc Eo với kinh thành cổ Sdachao[6] nằm giữa vùng núi Thất Sơn.[7]



Bản đồ mạng lưới các kênh đào miền tây khu tam giác Mê Kông

Vạch đỏ: kênh xưa, xanh: kênh mới, vàng: con đường

Đông Xuyên là tên xưa của Long Xuyên

(Goldfish st)

Kỹ thuật đào kinh đánh dấu bước ngoặt lịch sử quan trọng nhất của văn hoá Óc Eo và là khởi đầu cho việc hình thành văn minh sông nước giữa đồng bằng Nam bộ. Các lớp đất xáo trộn nơi các đáy sông đào kinh đào cho thấy chúng được hình thành rất sớm, trong khoảng năm 365 -

275 trước Công nguyên. Như vậy cư dân Óc Eo vốn có thói quen khai thác nông nghiệp, tích chứa nước trong các hào sâu và sống tập trung quanh một đền thờ lộ thiên dưới dạng gò nổi đã chuyển qua khai thác cải tạo và sinh sống trên bờ các dòng nước; trước hết do bởi nhu cầu dẫn nước cho các cánh đồng lúa nổi liền các đô thị trung tâm, và cuối cùng là phát triển tập quán buôn bán giữa các thị tứ xa gần. Chính sự chuyển đổi cách sống từ săn bắt và thuần tuý nông nghiệp sang canh tác chăn nuôi, sản xuất công nghiệp và trao đổi buôn bán từ thời điểm rất sớm đã tạo tiền đề phát triển vùng đất Nam bộ, và đó là lý do tại sao quốc gia - đô thị đầu tiên vùng Đông Nam Á được hình thành nơi châu thổ Cửu Long mà không phải nơi các châu thổ lân cận.

Lộ trình giao thương đường biển có ý nghĩa sống còn với một quốc gia - đô thị như Phù Nam. Trên thực tế nước Phù Nam và các xã hội hậu Phù Nam đã chi phối *con đường hương liệu* qua vùng Đông Nam Á bằng các sản vật buôn bán, bằng đồng tiền làm phương tiện tài chính, và bằng các tiện nghi hạ tầng cùng dịch vụ bến cảng. Bước đầu dấu tích về các tiện nghi bến cảng đã được tìm thấy; đồng tiền bằng bạc của Phù Nam phát tán rộng từ Đông Dương qua Miến Điện đến Hồng Kông và các quốc gia hải đảo; các đặc sản đặc hữu của Óc Eo đã được tìm thấy nơi các thương điểm trên *con đường hương liệu* từ Ai Cập đến Nhật Bản. Trong đó có ít nhất một dòng thuỷ tinh, một loại ngọc lựu gọi là Hessonite và loại trầm hương rất quý của loài dó bầu *Aquilaria crassana* mà các nhà buôn Nabat ở Petra gọi là *ud*, không loại trừ *ud* có thể là tên gọi Óc Eo lúc bấy giờ.

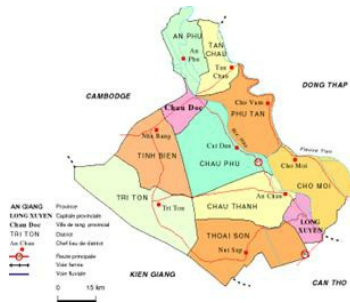
Ngày nay dấu ấn về một nền thương mại hết sức phát triển giữa đồng bằng Nam bộ là hệ thống các dòng kinh đào sắp xếp theo hình nan quạt, nổi từ một con sông lớn hay một bờ vịnh cổ vào một hào nước rộng và sâu nằm ở cửa ngõ quan trọng nhất của thành phố, như tại Angkor Borei, Sdachao, Ba Thê - Óc Eo. Ở Sdachao hệ thống này gồm 4 con kênh xuất xứ từ sông đào dẫn vào vịnh cổ Tám Ngàn, nối với chân đồi ở phía tây nam nơi còn dấu vết các xưởng chế tác đá quý. Ở kinh đô Ba Thê có 11 dòng kênh hiện lên trên ảnh hàng không, và 2 nư sông Hậu cổ ở Mốp Vắn vào chân núi tây nam, 9 nổi từ sông đào Lung Lớn vào một hào nước rất dài, sâu và rộng nằm ở chân núi đông nam nơi có nhiều kho chứa, lò nấu luyện thuỷ tinh và xưởng chế tác vàng cùng với nhiều di vật vương vãi của các con tàu. Bốn trong số các kinh đào này đã tìm thấy trên thực địa và khu bến cảng chính đã được nhận ra nằm cách chân núi về phía nam trong khoảng một đến hai cây số, chôn vùi bên dưới phù sa và các cánh rừng già của hải xâm Đông Hải và hải thoái Miền Tây.

Đô thị cổ Ba Thê

Tác giả: Hoàng Xuân Phương

Nguồn: Đại học Nông Nghiệp Cần Thơ

Đô thị cổ Ba Thê, nay là thị trấn Óc Eo[8] thuộc huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang, là một trong các thành phố xưa nhất nước ta, được hình thành từ cuối thế kỷ thứ nhất khi *con đường hương liệu* nối từ đế quốc La Mã đến Ấn Độ qua vùng Đông Nam Á rồi đến Trung Hoa và Nhật Bản. Óc Eo lúc bấy giờ là một hải cảng quan trọng, nơi các thương thuyền lưu lại chờ lúc thuận gió mùa, cũng là nơi giao nhận sản vật Đông Nam Á, đặc biệt là các loại gia vị và trầm hương từ các tàu chợ trong vùng lên các tàu hàng viễn dương.



Bản đồ tỉnh An Giang (Goldfish st)

Lịch sử phát triển đô thị cổ Ba Thê chia làm 3 thời kỳ: trước Phù Nam, trong Phù Nam và sau Phù Nam.

Trong thời kỳ thứ nhất từ khoảng 200 năm trước công nguyên. Cư dân Óc Eo sinh tụ chung quanh chân núi Ba Thê, văn hóa bản địa gọi núi này là Bathôu, phiên âm là Bà Thung[9], nghĩa là mẹ của thung lũng vùng đồng bằng chung quanh. Bathôu là một từ cổ hiếm hoi còn sót lại của ngữ hệ Nam Á cổ xưa, ngày nay cả hai dòng ngôn ngữ Môn-Khmer và Việt-Mường đều xuất xứ từ ngữ hệ này.

Đô thị Ba Thê được xây dựng từ khoảng năm 70 khi bắt đầu thời kỳ Phù Nam, ban đầu gồm 2 cụm kiến trúc nơi sườn núi phía đông nhìn ra Lung Lớn và nơi sườn núi phía tây bắc nhìn về Móp Vắn là một cửa sông Hậu cổ chảy xuống từ phía Lò Mo. Hệ thống đường sá thường chạy theo hướng đông qua tây và bắc xuống nam, hiện nay một số đường đoạn đường cổ còn được nhận ra ở chân núi Nhỏ, một đoạn tường thành và bến cảng còn được nhận diện ở ấp Trung Sơn nơi có con đường dẫn ra Gò Cây Thị (nơi đã khai quật di chỉ Óc Eo), phía đông núi Ba Thê còn nhiều dấu vết và di vật của kỹ nghệ luyện kim, đúc tiền, chế tác vàng và nấu luyện thủy tinh trang sức...

Trong thời kỳ hưng thịnh từ thế kỷ thứ II đến V, đô thị cổ Ba Thê nối với vịnh Rạch Giá tạo thành nơi trú bão, buôn bán lý tưởng cho các thương thuyền. Từ Ba Thê một con sông đào chạy thẳng về phía bắc hơn 80km đến Angkor Borei[10] nay nằm trên đất Campuchia, một con sông đào khác chạy về phía tây hơn 20km đến đồi Sdachao nơi trước đó là trung tâm tôn giáo, một Yoni-Mẹ Đất của cư dân Óc Eo bản địa. Sang đầu thế kỷ IV, ngày càng có nhiều tàu Ba Tư lui tới Ba Thê vì ở đó đã có một cộng đồng thương nhân người Iran đến trú ngụ. Trước đó cư dân Ba Thê chủ yếu là người Arian của vùng Đông Ấn và Indo-Aryan thuộc Tây Ấn.

Sang đầu thế kỷ VI hiện tượng hải xâm ảnh hưởng mạnh lên hạ lưu đồng bằng châu thổ sông Cửu Long. Các trận mưa tăng cường kèm theo gió bão đã là nguyên nhân gây ra các trận lở núi

kinh hoàng chôn vùi thành phố dưới nhiều mét đá hỗn thạch, đặc biệt là nơi triền núi phía bắc vốn là trung tâm thành phố. Vì vậy sang thời kỳ sau Phù Nam đô thị Ba Thê bị bỏ hoang, không chỉ các thương thuyền chẳng còn lui tới nữa mà các thương nhân và cư dân cũng bỏ đi hoặc lùi xa về phía cánh đồng Óc Eo hòa nhập vào nhóm cư dân bản địa...

Thương cảng cổ Óc Eo

Tác giả: Hoàng Xuân Phương

Nguồn: Tổng hợp xây dựng

Những nghiên cứu mới nhất cho thấy thương cảng Óc Eo, một trong các thương cảng sớm nhất ở Việt Nam trên *con đường hương liệu* - tức lộ trình giao thương đường biển quan trọng nhất các thế kỷ đầu Công nguyên - có cấu trúc của một khu chợ nổi gồm nhiều bến nước nằm dọc theo bờ một hệ thống kinh đào hoàn chỉnh, và một bến cảng nước sâu nơi các đoàn tàu viễn dương neo đậu để mua bán, tiếp liệu, sửa chữa, chờ gió mùa và cả tránh bão. Vừa là cảng sông vừa là cảng biển, hệ thống bến nước Óc Eo là nơi hội tụ các dòng sông đào và kinh đào đổ về các đô thị phía tây, phía bắc, phía đông và sau này cả về phía nam nơi ngày nay còn nhiều khu chợ nổi nổi tiếng như Cái Răng hay Ngã Bảy Phụng Hiệp.

Thương cảng Óc Eo được phát hiện từ đầu các năm 1940 bởi các nhà khảo cổ khi khai quật một vài địa điểm trên cánh đồng Óc Eo. Tại đây nhóm nghiên cứu do Louis Malleret^[11] dẫn đầu đã tìm thấy huy chương và nhiều đồng tiền La Mã, gương đồng nhà Hán, và nhiều vật quý đến từ các nước cũng như sản vật bán buôn từ các đô thị nằm sâu bên trong đất liền. Nhiều năm trước cư dân trong vùng đã thu nhặt được hàng ngàn di vật, trong đó có những di vật của các con tàu cổ, và những bộ sưu tập quý nhất được bán về Sài Gòn hoặc cho các địa chủ nhà giàu. Việc khảo sát thương cảng Óc Eo và cả kinh đô Ba Thê đã bị dừng lại, đúng hơn là tiến triển rất chậm, do không có các kế hoạch tổng thể và những nguồn tài trợ đúng mức.

Phải đến các năm 1980 khi việc khai đào kinh mương thủy lợi được thúc đẩy nhanh hơn thì hình ảnh một thương cảng cổ mới hiện rõ dần, đặc biệt với việc con kinh vành đai vòng quanh chân núi tiếp cận dấu tích đường sá, tường thành, hào nước, công xưởng, bến cảng, và cả các tầng dày bùn nhão ở chân núi phía nam kinh thành chứng tỏ nơi đó thời bấy giờ đáy nước nằm sâu hơn 7 hay 8 mét, đủ cho các tàu thuyền cỡ lớn có thể neo đậu. Thực ra người ta đã đo hàng chục năm trước về một thương cảng cổ, nay nằm lọt giữa đồng sâu châu thổ Cửu Long, do bởi dấu vết mờ của nhiều đoạn sông đào thẳng tắp đổ về. Con sông dài nhất, khoảng 89 cây số, chạy từ thành phố Angkor Borei phía bắc nối vào bến nước Đá Nổi nằm cách chân núi Ba Thê khoảng 3 cây số về phía tây nam. Khi đến gần Cầu Sắt 13 thuộc địa phận Tri Tôn, sông đào này phân thêm một nhánh chạy về phía tây đến kinh thành cổ hơn gọi là Sdachao nằm giữa vùng núi Thất Sơn bên bờ vịnh cổ Tám Ngàn.

Khi đoàn chúng tôi đến đây tìm kiếm dấu tích bờ biển, trong khoảng từ cửa sông cổ Thoai Giang nơi có các ám tiêu tàu biển *Crassostrea gigantissima* đến khu Giồng Cát nơi để lại dấu vết đào đãi quặng vàng của cư dân Óc Eo, thì nhận ra dòng chảy Lung Lớn là một con sông đào cổ, nay đã bồi can thành con lung lạng. Sông Lung Lớn chạy thẳng trong khoảng 11 cây số từ Giồng Cát, theo hướng nam tây nam đến di chỉ Nền Chùa phía bắc thị xã Rạch Giá - di chỉ này được xem là tiền cảng của Óc Eo.

- Ở về phía đông, dòng Lung Lớn nối vào các ngọn Long Xuyên đổ về sông Hậu, lúc bấy giờ tạo thành hệ thống hải lộ bằng qua đồng bằng để các đoàn tàu theo sông Tiền ra cửa Cần Giờ mà vào Biển Đông thay vì phải đi vòng qua mũi Cà Mau như hiện nay.

- Ở về phía tây, sông đào Lung Lớn bẻ góc thành 9 dòng kinh đào nối vào phía đông kinh thành Ba Thê và tạo nên thương cảng Óc Eo, một kiểu phối hợp giữa cảng sông và cảng biển.

- Bốn trong số các kinh đào đã được tìm thấy nhờ dấu vết nhà sà và các di vật tàu thuyền, hàng hóa cùng vật dụng sinh hoạt vương vãi trên bờ và dưới đáy lòng kinh, nay được phủ lấp

bởi nhiều lớp đất mỏng. Con kinh lớn nhất và sâu nhất nằm ở phía nam cánh đồng Óc Eo, nối từ sông đào Lung Lớn đến bến cảng Đá Nổi nơi hội tụ các sông đào cổ nối về các công trường cùng các thành phố phía tây và phía bắc.

Trên thực tế, thương cảng Óc Eo chia làm hai khu vực (xem không ảnh trong bài *Sông Đào Cổ*)[\[12\]](#) với thời gian thiết lập cũng như sử dụng ít nhiều khác nhau:

- Khu phía đông kinh thành Ba Thê là các bến nước nằm dọc bờ kinh, tức loại chợ nổi tương tự Phụng Hiệp hay Cái Răng ngày nay, nơi các ghe xuồng lui tới trao đổi hàng hóa với cư dân tại chỗ, cũng là nơi cu lương thực cho cư dân nội thành gồm các vua chúa, đạo sĩ, quan lại, binh lính, công nhân và thương nhân trong nước hay đến từ nước ngoài. Các kho hàng và xưởng luyện vàng, chế tác thủy tinh trang sức được tìm thấy tập trung phía sau hào nước vốn là cửa ngõ chính của mỗi đô thị.

- Khu phía nam là nơi neo đậu của các tàu hàng viễn dương để tiếp nhận hàng hóa sản vật từ các tàu chợ trong vùng, cũng là nơi trao đổi hàng hóa giữa các con tàu đến từ phương Đông như Trung Hoa và Nhật Bản với các con tàu đến từ phương Tây như Ấn Độ, Ba Tư và Trung Đông nơi cửa ngõ đế quốc La Mã. Trầm hương, gia vị, đường thốt nốt, ngọc trai hào biển, đá quý, sừng tê giác, ngà voi và nanh heo rừng... là những mặt hàng buôn bán đường xa của thương cảng Óc Eo, biến nơi đây thành chỗ hội tụ các đoàn tàu trên con đường hương liệu.

Nhiều thư tịch cổ đề cập đến hoạt động nhộn nhịp của thương cảng Óc Eo suốt nhiều thế kỷ đầu Công nguyên, biến nơi đây thành nơi đồ hội phần vịnh mà các thương nhân đóng thuế bằng bạc!. Nhưng có lẽ các tiện nghi hạ tầng, nền nếp hoạt động có quy củ của thương cảng và việc coi trọng chữ tín của cư dân đã là nguyên nhân thu hút khách thương đến với thương cảng miền Nam ấm áp này. Mặt khác đây là nơi tránh bão lý tưởng, đồng thời là nơi lưu trú chờ khi thuận gió mùa trên mặt Biển Đông hay trong Ấn Độ Dương. Ở đây người ta dễ dàng thuê tàu “đi đông đi tây”, nghĩa là căng buồm theo một hải lộ đặc biệt từ Biển Đông vào cửa Cần Giờ đến Óc Eo ra vịnh Thái Lan, và các chủ tàu chỉ được trả công bằng vàng khi con tàu đến nơi đúng hẹn.

Con đường hương liệu qua đường Đông Nam Á

Tác giả: Hoàng Xuân Phương

Nguồn: vusta.vn

Sự vận hành hai con đường mâu dịch lớn nhất hành tinh trong các thế kỷ trước và đầu Công nguyên - con đường Tơ lụa và con đường Hương Liệu - đã tạo điều kiện hình thành và phát triển một loạt các quốc gia Trung Á và Đông Nam Á, Phù Nam, một “quốc gia - đô thị” sớm nhất ở đồng bằng sông Cửu Long cũng là quốc gia thế lực nhất vùng Đông Nam Á cho đến giữa thế kỷ thứ 6, khi châu thổ này bị thu hẹp bởi đỉnh hải xâm dẫn đến sự nổi dậy của các thuộc quốc và một tiến trình “vương quốc hoá” các quốc gia trong vùng bắt đầu từ thế kỷ thứ 9.



Con đường hương liệu qua vùng Đông Nam Á

Óc Eo, Rinai và Hải Phòng là các địa điểm nhân hàng

Con đường hương liệu^[13] đầu tiên xuyên qua vùng Đông Nam Á được thiết lập từ nhiều thế kỷ trước Công nguyên. Lúc bấy giờ người Malayo - Polynesian ở miền Nam Phi Luật Tân và trong các quần đảo Celebes, Java khai thác các loại gia vị và hương liệu nhiệt đới đem trao đổi với các đồng chủng Austronesian nơi các đảo trong Ấn Độ Dương và Madagacar. Từ đây, dòng nguyên liệu đi theo duyên hải miền đông Châu Phi để đến Ethiopia và các hải cảng trên bờ biển Đỏ.

Đến thế kỷ cuối trước Công nguyên, Ấn Độ nổi lên như một thế lực giao thương đường biển với Trung Hoa qua ngã Đông Nam Á. Con đường này men theo bờ vịnh Bengal, theo duyên hải Miến Điện, Thái Lan, Mã Lai băng qua eo biển Malacca giữa Mã Lai và Sumatra phía bắc Java, rồi đến Cam Bốt và Việt Nam trước khi đi Quảng Châu, Phúc Châu và Nagasaki. Con đường biển này tỏ ra thuận lợi hơn so với con đường bộ băng qua rừng rậm hiểm nguy hay sa mạc khắc nghiệt nối Trung Hoa với miền bắc Ấn Độ. Kỹ nghệ đóng tàu cũng theo đó phát triển nhanh. Các chuyến đi của tàu buôn thường mất vài năm, một mặt phải chờ cho đến khi thuận chiều gió mùa vốn hoạt động rất mạnh trên Ấn Độ Dương và biển Nam Hải, mặt khác dành thời gian buôn bán trao đổi phẩm vật từ xứ này đến xứ khác. Chính thời gian lưu lại hàng tháng ở mỗi địa điểm nhất định đã tạo cơ hội hình thành một loạt các quốc gia - đô thị^[14] dọc theo các vùng duyên hải trong các năm đầu Công nguyên.

Khi đế quốc La Mã mở rộng giao thương với người Ấn qua biển Ả Rập thì con đường thương thuyền Ấn - Hoa được nối dài đến Mantai phía bắc Srilanka và Muziris miền nam Ấn Độ, rồi đến các trong vịnh Ba Tư trên bờ Biển Đỏ. Sự nối dài này làm cho giao thương đường biển trở lên nhộn nhịp, các quốc gia trở lên năng động và giàu có nhanh chóng, chủng loại và số lượng hàng hoá lưu thông ngày một lớn hơn. Trong số hàng hoá có tơ lụa, kim loại, các đồ gốm sứ, đá quý, trang sức bằng vàng và thuỷ tinh, các loại hương liệu và gia vị đặc sản, dừa trái, gỗ tect để đóng tàu, các loại ngọc trai, đồi mồi, ngà voi và sừng tê giác... Một lần nữa, hương liệu vùng Đông Nam Á trở thành đối tượng giao thương toàn cầu. Người ta thường gọi đường biển mới là *con đường đình hương*, phân biệt với *con đường quế quan* băng qua Ấn Độ Dương. Đúng như câu đã nói “mọi con đường đều dẫn tới La Mã” - Từ đời Hoàng đế Augustus (27tCN - 14sCN), số lượng tàu xuất bến chỉ tính mỗi cảng Myos Hormos đã lên tới 120 so với 20 chuyến mỗi năm trước đó.

Trong bối cảnh này, từ thế kỷ thứ nhất quốc gia - đô thị Óc Eo - sử Trung Hoa ghi là vương quốc Phù Nam - nằm trong vịnh Rạch Giá trên bờ biển Việt Nam, đã nổi lên như một trung tâm công nghiệp và thương mại lớn. Khi kỹ nghệ khai thác đá quý và nấu luyện thuỷ tinh ở Ariamedu trên đất Ấn Độ đến hồi suy thoái, thì các kỹ thuật này được người Arikan ở miền Đông Ấn Độ mang đến Óc Eo theo tiến trình Ấn Độ hoá. Từ đây các kỹ thuật khác nhau được biến thể để tạo thành các “thương hiệu” đặc trưng: ngọc Óc Eo, thuỷ tinh Óc Eo, gốm đen Óc Eo, tiền Óc Eo... Ban đầu loại hồng ngọc Hessonite thổ khai thác tại An Giang và Lâm Đồng được cung cấp cho các trung tâm chế tác đá quý ở Ấn Độ, có nơi lên đến 3,5% lượng đá sử dụng. Về sau các cẩm thạch Nephrite và các viên ngọc Grossularite đặc trưng Việt Nam này được tìm thấy ở nhiều cảng biển trên con đường hương liệu. Tại cảng Berenike này thuộc Ai Cập, tỷ lệ thuỷ tinh trang sức kiểu Indo-Pacific từ 4% trước đó, vượt lên 40% trong thế kỷ thứ tư với nhiều loại hạt trong sáng và nhạt màu đặc trưng của Óc Eo.

Sự nổi lên của Óc Eo mà một thời là vương quốc Phù Nam bao trùm nhiều phần đất Việt Nam, Mã Lai, Thái Lan, Lào và Cam Bốt do bởi 3 nguyên nhân: Kiểm soát thị trường hương liệu và gia vị Đông Nam Á, phát triển các ngành công nghiệp đặc hữu và chi phối hệ thống thanh toán tài chánh khu vực. Mặc dù đã có kỹ thuật luyện kim và khai thác chế tác vàng trang sức một cách hoàn hảo, kỹ nghệ đúc tiền Óc Eo vẫn dựa trên căn bản đồng bạc mang tính phổ thông khả dĩ chi phối hệ thống thanh toán. Các đồng vàng La Mã được thấy ở Óc Eo cả trước khi phái đoàn do Hoàng đế Marcus Aurelius cử đến Trung Hoa năm 166. Đổi lại, các đồng bạc Óc Eo được dùng rộng rãi từ Miến Điện đến Phi Luật Tân, các đảo vùng Đông Nam Á và cả ở Hồng Kông. Khi đế quốc Phù Nam suy yếu trong thế kỷ thứ VI theo sau tác động của đợt biến tiến Đông Hải mà đỉnh cao vào khoảng năm 650, thì cả nước Dvaravati, Haripunjaya và Sri Vijaya vẫn sản xuất đồng bạc theo phong cách Phù Nam.

Kỹ nghệ sản xuất thuỷ tinh Óc Eo cũng lan rộng đến Kuala Selinsing và Sungai Mas trên đất Mã, Klong Thom và Takua Pa trên đất Thái và đến Vijaya trên quần đảo Nam Dương. Dòng thuỷ tinh đặc trưng Óc Eo này khác hẳn so với các dòng thuỷ tinh Ấn Độ và Alexandria. Cấu trúc tọa tia đặc biệt của hệ thống kinh đào trong vùng Sdachao và kinh đô Ba Thê cho thấy khả năng Óc Eo đã phát triển dịch vụ sửa chữa tàu biển hoặc hình thành kỹ nghệ đóng tàu tại chỗ^[15]. Sử thần Trung Hoa đến Phù Nam trong năm 230 đã mô tả con tàu tại đó có chiều dài khoảng 20 bộ (48 mét) nổi cao trên mặt nước từ 2 đến 3 bộ (5 - 7 mét) và có khả năng chuyên chở 600 đến 700 người.

Việc buôn bán hương liệu bắt đầu bằng việc khai thác loại trầm hương, quế, đậu khấu và tiêu sọ bản địa cùng với các loại gỗ đóng tàu, đá quý, đồi mồi, ngà voi và sừng tê giác. Nhưng khi Óc Eo thiết lập được hệ thống thanh toán có giá trị, bằng đồng bạc hoặc đồ trang sức, thì chi phối phần lớn thị trường gia vị và hương liệu phong phú của vùng Đông Nam Á. Các chuyến “tàu chợ” từ Óc Eo sẽ ghé các cảng quế ở miền Trung Việt Nam rồi đến Hải Phòng, ở đó chúng nương theo chiều gió cuối mùa đông để đến vùng biển Phi Luật Tân và các quần đảo Celebes, Borneo hay Java, rồi theo bờ đông Sumatra và Mã Lai để trở về Óc Eo. Tại đây các sản vật khác nhau của “tàu chợ” được đưa lên “tàu hàng” để đi đến các cảng xa xôi ở Nhật Bản, Trung Hoa,

Ân Độ hay các đế quốc giàu có trong vùng Vịnh và quanh bờ Địa Trung Hải.

Con đường hương liệu đã là một thực tế lịch sử - tuy xa mà gần - gợi lên cho chúng ta nhiều điều suy nghĩ. Trước hết, người Ốc Eo có óc thực tế nắm bắt cơ hội. Giao thương là một cơ hội lớn, người thời nay vẫn nói câu “nhất phú thương” là vậy. Thứ hai, người Ốc Eo đã hiểu biết thực tại: Việt Nam và Đông Nam Á - xưa cũng như nay - là cái nôi lớn của nhiều loài hương liệu và gia vị. Hương liệu là những sản vật đắt giá mà nhà máy thiên nhiên đã hoàn tất 80%, còn người chỉ cần thực hiện 20% còn lại. Thứ ba, người Ốc Eo có óc làm chủ đến kinh ngạc. Họ sẵn sàng tiếp nhận các hiểu biết kỹ thuật và rồi biến đổi để trở thành các tri thức công nghệ đặc hữu: Kỹ nghệ sửa chữa và đóng tàu làm cho hải cảng Ốc Eo trên bờ biển Việt Nam lúc bấy giờ là một trung tâm dịch vụ tốt nhất trong vùng; kỹ nghệ sản xuất trang sức đá quý và thủy tinh tạo ra sự giàu có bảo đảm sự phồn vinh lâu dài của vương quốc; kỹ nghệ đúc tiền giúp họ chi phối thanh toán tài chánh khu vực và nhờ đó kiểm soát phần lớn thị trường hương liệu Đông Nam Á cùng các sản vật quý giá

Nguồn: Tạp chí Xưa & Nay, số 256, 3/2006, trang 27 - 28

Văn hóa Óc Eo trong mắt một trí thức Singapore

Nguồn: Vietcyber

Ngày 01/03/2004

Ngày 22-8[16] vừa qua, tại Bảo tàng các nền văn minh châu Á ở Singapore đã diễn ra lễ phát hành cuốn sách Nghệ thuật và khảo cổ học Phù Nam của bác sĩ James Khoo với hợp tác nghiên cứu của các nhà khảo cổ học Việt Nam.

Cầu nối giao thương lớn

Óc Eo là một bộ phận của vương quốc cổ có tên là Phù Nam. Vương quốc cổ này bao gồm một phần Nam Bộ của Việt Nam, Campuchia và Thái-lan. Óc Eo là một thành phố cảng sầm uất đầu tiên của Đông Nam Á tại Phù Nam từ thế kỷ thứ nhất đến thế kỷ thứ sáu. Hồi đó các nhà buôn Ấn Độ, Trung Hoa, Ba Tư và Indonesia tụ tập về Ó Eo bên bờ vịnh Thái-lan và gần châu thổ sông Cửu Long để trao đổi hàng hóa. Vương quốc Phù Nam rất phồn thịnh, có hệ thống kênh rạch thuận tiện để phát triển nông nghiệp, vận chuyển hàng hóa và phục vụ sự đi lại của nhân dân. Óc Eo còn là trung tâm thương mại, một cầu nối giao thương giữa Trung Hoa với Ấn Độ, vùng Địa Trung Hải, Trung Cận Đông và châu Phi.



Tác giả James Khoo

Phồn thịnh là thế nhưng Phù Nam chỉ tồn tại được 500 năm rồi tàn lụi từ đầu thế kỷ thứ 7. Các nhà sử học, khảo cổ và các loại học giả không thể biết vì sao một vương quốc phồn thịnh như thế mà dễ dàng bị hủy diệt. Và nền văn hóa Óc Eo nói riêng và Phù Nam nói chung cho đến nay vẫn là một bí ẩn hết sức lớn. Chỉ biết rằng nền văn hóa đó đã đóng một vai trò là động lực và cơ sở ban đầu phát triển văn hóa Khmer.



Một góc di chỉ Óc Eo

Nhà khảo cổ Pháp Louis Malleret lần đầu tiên phát hiện Phù Nam và Óc Eo vào năm 1942. Trong hai năm làm việc tại đây, ông đã phát hiện khoảng 20 di chỉ và viết vài ba tập sách về văn hóa Óc Eo.



Dây chuyền đá - hiện vật Óc Eo thế kỷ I-VI

Trong 25 năm qua, sau khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, ông Võ Sĩ Khải và các cộng sự tại Viện Khoa học Xã hội TP Sài Gòn đã dồn hết tâm sức làm nốt công việc còn dang dở của nhà khảo cổ Louis Malleret. Với khoản kinh phí eo hẹp, cho đến nay ông Khải và các cộng sự đã xác định được 90 di chỉ và khai quật hơn 20 địa điểm và sau đó đã được bác sĩ James Khoo, 58 tuổi, nhà giải phẫu thần kinh hàng đầu của Singapore say mê nghiên cứu lịch sử và văn hóa, hợp tác nghiên cứu.

Một cách nhìn thuyết phục

Bác sĩ Khoo đã dành thời gian và tâm sức trong suốt năm năm sưu tập các nguồn tư liệu để viết cuốn sách giới thiệu văn hóa Óc Eo có tựa đề *Nghệ thuật và khảo cổ học Phù Nam*. Cuốn sách này đã được phát hành ngày 22-8 vừa qua trong một buổi lễ tại Bảo tàng Các nền văn minh châu Á của Singapore với sự chủ trì của Bộ trưởng Thương mại và Công nghiệp George Yeo. Trong cuốn sách, bác sĩ Khoo đã trân trọng đánh giá cao mọi cố gắng sưu tầm và giới thiệu văn hóa Óc Eo của ông Võ Sĩ Khải. Có một chi tiết khá c động được kể trong cuốn sách là câu chuyện ông Khải phải bán nửa ngôi nhà của mình để lấy tiền trang trải công việc sưu tập và khai quật các di chỉ Óc Eo. Bác sĩ Khoo đã chuẩn bị mọi thủ tục cần thiết mời ông Khải sang Singapore dự lễ phát hành cuốn sách, tiếc rằng ông không đi được vì lâm bệnh.



Nhẫn vàng trang trí hình bò Nandin - văn hoá Óc Eo thế kỷ I-VI^[17]

Để viết cuốn sách, bác sĩ Khoo đã tập hợp một đội ngũ chuyên gia, dựa vào những phát hiện quý giá của ông Khải và các cộng sự, viết kỹ về các khía cạnh của nền văn hóa Phù Nam và Óc Eo. Cuốn sách còn có sự đóng góp của giáo sư John Miksic, nhà khảo cổ Mỹ Miriam Stark và Giám đốc Bảo tàng Các nền văn minh châu Á Singapore Heidi Tan.

Phần quan trọng nhất của cuốn sách là một bài khảo luận của ông Võ Sĩ Khải giới thiệu chi tiết những di chỉ Óc Eo đã được khai quật và đưa ra cách nhìn có sức thuyết phục về lịch sử vương quốc Phù Nam và văn hóa Óc Eo. Bác sĩ Khoo cũng có một khảo luận về ý nghĩa và đặc trưng văn hóa của các tác phẩm điêu khắc tôn giáo mới đào được trong những năm gần đây ở nhiều vùng đồng bằng sông Cửu Long. Những tác phẩm điêu khắc dân gian này chủ yếu là các tượng thần Vishnu Ấn Độ giáo với đủ loại dáng kiểu, khuôn mặt.

Những bức ảnh về các tượng thần Vishnu cùng các loại hiện vật văn hóa và tôn giáo của nền văn hóa Phù Nam và Óc Eo càng làm tôn giá trị cuốn *Nghệ thuật và khảo cổ học Phù Nam*. Nhưng quan trọng nhất là cuốn sách đã trở thành một tài liệu lịch sử có giá trị về văn hóa Phù Nam và Óc Eo.

Bác sĩ Khoo nói: “Cuốn sách cũng là kết quả cộng tác giữa các học giả ASEAN với các đồng

nghiệp phương Tây, là chiếc cầu nối ngành khảo cổ Đông - Tây. Tôi hy vọng nó sẽ là chất xúc tác cho nhiều công trình cộng tác và nghiên cứu về lịch sử Đông Nam Á. Giá trị phát hiện và nghiên cứu nền văn hóa Phù Nam và Óc Eo chính là ở chỗ đó”.>ĐỒ CHUYÊN dịch (Báo Người lao động)

Văn hoá Óc Eo

Nguồn: Tự điển Bách khoa Toàn Thư

Văn hóa khảo cổ được đặt tên theo di tích Óc Eo thuộc xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, Việt Nam. Di tích được phát hiện vào năm 1942 và được Malorê (L. Malleret) khai quật lần đầu tiên vào năm 1944. Trước đó vào thế kỉ 19, những hiện vật trôi nổi của nền văn hoá này đã được giới nghiên cứu chú ý đến. Qua những cổ vật này, nhiều người đã liên hệ đến Vương quốc Phù Nam được ghi chép trong các thư tịch cổ, trong minh văn trên bi kí, trên các bệ thờ bằng đá.



Từ 1977, các nhà khảo cổ Việt Nam đã nghiên cứu, thám sát và khai quật trên 90 di tích, làm rõ được phạm vi phân bố, các loại hình di tích, di vật của nền văn hoá này.

Văn hoá Óc Eo phân bố chủ yếu trong phạm vi các tỉnh Nam Bộ. Các di tích bao gồm: di chỉ cư trú có tầng văn hoá dày trên dưới 3m, các công trình kiến trúc tôn giáo và các khu mộ táng. Hiện vật vô cùng phong phú. Nhóm tượng thờ có tượng Phật, tượng thần bằng các chất liệu gỗ, đá, đồng; tượng linh vật có yoni và linga, có hiện vật được làm bằng vàng. Nhóm phù điêu và con dấu khắc trên gốm, đá, thuỷ tinh, kim loại. Nhóm tiền kim khí đúc bằng vàng, đồng, chì thiếc, chì sắt. Nhiều hiện vật bằng vàng và vàng lá có hình chạm khắc, nhiều đồ trang sức bằng đá quý, đá màu, thuỷ tinh, kim loại, nhiều loại đồ gốm và những vật dụng bằng đất nung, đá, gỗ.

Những phát hiện mới đã làm rõ thêm vai trò của văn hóa Óc Eo và cảnh thị Óc Eo theo con đường tơ lụa trên biển đối với vùng Đông Nam Á hải đảo và sang tận Địa Trung Hải. Nhiều tư liệu phong phú của văn hóa Óc Eo đã đóng góp vào nhận thức về một nền nghệ thuật Phật giáo và Hindu giáo đồng bằng sông Cửu Long vào thế kỉ 5. Văn hóa Óc Eo có sự kế thừa và phát triển lên từ các nền văn hoá tiền Óc Eo ngay trên mảnh đất Nam Bộ từ cuối thời đại đồ đồng. Hậu Óc Eo có liên quan đến nhà nước Chân Lạp và Thủy Chân Lạp.

Xem trưng bày “Cổ vật văn hóa Óc Eo”

Nguồn: Đồng Tác

Ngày 24.6.2004, lần đầu tiên sau giải phóng, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh phối hợp với 11 bảo tàng ở các tỉnh miền Trung và Nam Bộ, cùng Bảo tàng Mỹ thuật và Bảo tàng Thành phố tổ chức trưng bày “Cổ vật văn hóa Óc Eo” quy mô lớn nhất từ năm 1944 đến nay.

Hơn 400 hiện vật quý hiếm từ các vùng đất cực thịnh trước đây đã vén dần những màn sương từng bao phủ một nền văn hóa mang nhiều màu sắc bí ẩn để làm nên một diện mạo chung kể từ thời nhà khảo cổ người Pháp Louis Malleret có công phát hiện.



Tượng thần Vishnu bằng đá thế kỷ thứ 7

Tuy đây chỉ là một phần văn hóa Óc Eo (khu vực cư trú của nền văn hóa Óc Eo khá rộng, từ một phần đất Campuchia, Thái-lan, phía nam bán đảo Đông Dương, trừ Lào), song tính chất phong phú của bộ sưu tập này đã kích thích các nhà nghiên cứu và khảo cổ học đưa ra những giả thuyết mới. TS Phạm Hữu Công nhấn mạnh, một điều cơ bản mà khoa học chưa lý giải được tận bây giờ là nền văn hóa Óc Eo thuộc dân tộc nào, cho dù đã tìm thấy các bộ hài cốt. Theo nhiều nhà nghiên cứu về cổ nhân học, rất có thể đó là dân tộc đang sống dọc theo rìa Trường Sơn, hoặc ở vùng Bình Phước, Lộc Ninh (Mạ, Xtiêng, M'Nông...).

Nhưng cũng không phủ nhận được một điều rằng nền văn hóa Óc Eo trong quá khứ từng có mối giao du với những trung tâm văn hóa lớn đương thời như Trung Quốc (trong những di chỉ đào lên), đế quốc ã (phát hiện đồng tiền La Mã thế kỷ thứ 2 khắc tên hoàng đế) và Ba Tư qua một số bức phù điêu. Đặc biệt, ảnh hưởng từ Ấn Độ là lớn nhất. Tượng Phật rất nhiều ở các vùng trên đất nước ta (tượng gỗ, đá), tượng thần Rama, Visnu (nhưng điều khó hiểu là ít thấy tượng thần Siva), những mặt người thể hiện trong thần thoại Ấn Độ, những thủy quái... Đặc điểm của những tượng mặt người này là sống mũi cao, thẳng, mắt to tròn, rất hiếm tượng có gương mặt của người Đông Nam Á. Đó là một điều đáng chú ý cho các nhà nhân chủng học.

Điểm thứ hai, tuy không tìm thấy dấu vết tàu thuyền lớn đi các nước, nhưng có thể giải thích rằng đã có nhiều tàu thuyền từ các nước đến đây buôn bán giao dịch. Điểm thứ ba, không hề phát hiện ra vũ khí, nên có thể thấy đây là một dân tộc sống hòa bình, và sự bình ổn của xã hội Óc Eo thời đó khá cao.



Các hiện vật tìm được gồm nhiều nhóm: đồ gốm, gỗ, đá, đồng, vàng. Nhóm đồ gốm khó có thể nhầm lẫn với đồ đương thời vì hình dáng đặc biệt và chất liệu đất nung do thời đó người ta còn chưa chế được men, như bình có vôi, phù điêu đậm chất Ấn Độ trang trí trên nền tháp, hình mặt người, đầu cột trụ, các viên gạch có hoa văn rất lạ, có in chữ vạn của nhà Phật.

Nhóm đồ gỗ gồm kiến trúc cột nhà sàn (hoặc biểu tượng linga), một vài vật dụng làm gốm, trục bánh xe và tượng Phật.

Nhóm kim loại có những vật tròn bằng thiếc bên trên có khắc hình mặt trời đang mọc, những đồng tiền cổ bị chắt làm bốn, làm tám, giá hai đầu thú bằng đồng, tượng thần Visnu, nữ thần Ấn Uma, tượng Phật Trung Quốc thời Bắc Ngụy (thế kỷ thứ 3), gương đồng, các lá bùa bằng thiếc. Đồ vàng là những thành tựu lớn của cư dân Óc Eo: nhiều mảnh vàng được chế tác tinh vi, dát mỏng dính, có hình vẽ thần nhân của Bà La Môn, bò thần Nadin, nhân có bò Nadin (vật cưỡi của Siva). Theo TS Công, các cổ vật hiếm quý nhất là pho tượng Phật Thích Ca do chính cư dân Óc Eo chế tác, cao 1,2 m cách đây hơn 1.500 năm, tấm vàng dài ba, bốn tấc trên có khắc minh văn bằng chữ cổ Ấn Độ, đồng tiền La Mã...

Trong số các Bảo tàng tỉnh, Long An là nơi đóng góp nhiều hiện vật nhất: hơn 200. Riêng Đồng Tháp, một trong ba tỉnh gi hiện vật văn hóa Óc Eo nhất ở Việt Nam (chỉ sau An Giang, trên Long An) lại từ chối mang hiện vật lên TP Hồ Chí Minh do tỉnh và Sở Văn hóa - Thông tin không cho phép. Như vậy, khiếm khuyết lần này là thiếu hụt các cổ vật khai quật ở Đồng Tháp.

Diện mạo văn hóa Óc Eo đã hiện khá rõ: một nền kinh tế phát triển về thủ công nghiệp, sớm mở mang buôn bán với nước ngoài, có quan hệ với một số trung tâm thương mại lớn trên thế giới và một trung tâm tôn giáo phát triển.

Theo MINH THI, Lao động

Du lịch văn hóa Óc Eo

Tác giả: Đình Khoa

Nguồn: Báo Cần Thơ ngày 24/07/2005

Đi du lịch về An Giang, người ta tưởng ngay đến các núi Sam, núi Cấm, núi Tượng, đồi Tức Dụp... vốn có nhiều huyền thoại gắn liền với những người dân vùng đất phía Tây Nam. Thế nhưng, bên cạnh những danh thắng nổi tiếng đó, tỉnh An Giang còn có Di chỉ khảo cổ Óc Eo rất hấp dẫn ở núi Ba Thê (huyện Thoại Sơn), là đặc trưng nền văn hóa vương quốc Phù Nam xa xưa.

TỪ NHỮNG “MỎ VÀNG”...

Từ lâu, khu vực Đá Nổi, vùng giáp ranh giữa 2 huyện Thoại Sơn và Thốt Nốt, được người dân ở đây coi là “mỏ vàng” lộ thiên bởi đào đâu cũng thấy vàng, bới xuống vài mét là tìm được nhiều vật dụng trang trí gia đình, với nhiều kiểu dáng khác nhau có giá trị kinh tế và nghiên cứu văn hóa. Ông Trần Văn Hùm, nông dân ở khóm Tây Huề, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, kể lại, những năm trước 1975 ông hay xuống khu vực Đá Nổi để đặt trúm bắt lươn, giăng câu lưới vào mùa nước nổi. Ngày nào cũng có hàng trăm người từ khắp nơi đổ về đây đào vàng, phần lớn đều là dân nghèo mong gặp cơ may và thực tế cũng kiếm ăn được lắm. Ông bảo rằng: “Ban đêm nằm ngủ thấy có nhiều tia sáng từ mặt đất votên, ban ngày đến đào là được vàng, thường gặp những mảnh vụn, đem phân kim được tỷ lệ rất ít. Nếu không có thì gom đất nát đem đãi cũng được mạt vàng, cực công một chút nhưng mỗi ngày cũng kiếm được vài chục ngàn đồng”. Tin tức lan rộng, lượng người tìm vàng ngày càng đông, mạnh ai nấy đào bới, cứ nghĩ của trời cho!



Núi Ba Thê

Sau khu vực Đá Nổi, người ta lại phát hiện ra mỏ vàng tương tự ở khu vực Giồng Xoài, Giồng Cát chạy dài qua 2 huyện Thoại Sơn (An Giang) và Hòn Đất (Kiên Giang), trung tâm là xung quanh chân núi Ba Thê (An Giang) đã tìm thấy được nhiều hiện vật quý hiếm, pho tượng cổ có niên đại từ thế kỷ thứ 1-2 đến thế kỷ thứ 6-7. Năm 1913, nhân dân vùng này phát hiện một tượng Phật bốn tay và hai bia đá khắc chữ Phạn, đã lập chùa để thờ tại chân núi Ba Thê và có tên gọi dân gian: chùa Phật Bốn Tay. Năm 1988, tượng Phật bốn tay được Bộ Văn hóa quyết định công nhận di tích kiến trúc nghệ thuật. Chuyện đi đào vàng ở Óc Eo, Ba Thê luôn hấp dẫn

người nghe và thu hút dư luận quan tâm. Anh Tư Châu ở Ba Thê (cũ), xã Tân Hội (huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang) nói: “Những năm còn làm lúa mùa nổi, tôi đem máy cày qua làm mướn ở chân núi Ba Thê, thường lượm được những đồ vật ở giữa đồng và có hình dạng rất ngộ. Khi bằng đất nung, có lúc giống như đồng đen, thậm chí có nhiều món cầm lên cứ ngỡ là vàng thật”.

Từ những câu chuyện có thật, mỗi người kể cho nhau nghe lại thêm dẹt đôi chút, làm phong phú thêm về giá trị vùng Di chỉ khảo cổ Ốc Eo, vẫn còn nhiều bí ẩn.

... ĐẾN CÁC DI TÍCH

Trong nhiều nă, Bảo tàng tỉnh An Giang đã phối hợp cùng Viện Khoa học Xã hội thành phố Hồ Chí Minh và Viện Khảo cổ Hà Nội tiến hành khảo sát và khai quật một số loại hình tại vùng Di chỉ Ốc Eo (núi Ba Thê) và một số nơi khác trong tỉnh. Liên tiếp trong 3 năm, từ 1998 đến năm 2000, các nhà khảo cổ khai quật 2 di chỉ ở núi Ba Thê là khu kiến trúc, mộ táng nằm phía Nam chùa Phật Bốn Tay và khu gò Cây Thị nằm dưới đồng bằng. Kết quả cho thấy, đây là một dạng kiến trúc cung đình mang tính cách tôn giáo, được xây dựng rất xưa và tồn tại đến thế kỷ thứ 9. Đặc biệt, qua đợt khai quật cũng phát hiện một chum cải táng bằng gốm thô đường kính 0,67m, cao 0,4m, trong chum có vài mảnh nhỏ chất hữu cơ, 5 hạt chuỗi bằng vàng và một mảnh chuỗi vỡ bằng mã não. Tỉnh An Giang đã hợp đồng với Công ty Tu bổ di tích và Thiết bị văn hóa (Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh) để thiết kế và xây dựng mái che cho 2 di tích này, với tổng kinh phí hơn 1 tỉ đồng, phục vụ du khách tham quan và công tác nghiên cứu khoa học.

Trong lần khảo sát điền dã hồi đầu tháng 10 năm 2001, Bảo tàng tỉnh An Giang cũng phát hiện một công trình kiến trúc cổ nằm ở xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn có chiều dài 18m, rộng 12m và cao 3m. Theo nhận định ban đầu của giới chuyên môn, công trình dưới dạng đền tháp còn khá nguyên vẹn thuộc nền văn hóa Ốc Eo, có niên đại khoảng thế kỷ thứ 7, 9 cách đây hơn 1.000 năm. Ông Dương Ái Dân, Giám đốc Bảo tàng tỉnh An Giang cho biết, ngành đã xúc tiến lập hồ sơ khoa học các khu di tích này để trình lên Bộ Văn hóa - Thông tin năm 2002 và được công nhận di tích cấp quốc gia trong năm 2003, xem như góp phần giữ gìn và bảo tồn di sản văn hóa, đồng thời còn có ý nghĩa to lớn cho việc nghiên cứu về vùng đất và con người An Giang trong giai đoạn lịch sử đầu Công nguyên...

Về thành cổ Ba Thê thăm tượng “Phật bốn tay”

Nguồn: tuoitrephatgiao.com

Ngày: 05/03/2007



Tượng Phật bốn tay

Đô thị Ba Thê thuộc Vương quốc Phù Nam xưa, hình thành rục rờ vào khoảng thế kỷ I đến thế kỷ VII. Đây là một thương cảng rất sầm uất, thịnh vượng nằm bên bờ vịnh Thái Lan từ vùng biển Rạch Giá ăn sâu vào đất liền đến tận vùng Thoại Sơn (An Giang) ngày nay.

Con đường trải nhựa rất đẹp dài khoảng 2km đưa du khách đến thẳng điểm tham quan trên núi Ba Thê. Lên đỉnh núi Ba Thê, du khách phóng tầm mắt nhìn núi non, trời biển hùng vĩ bao la đến vô cùng.

... Năm 1912, khi người Pháp cho xe ủi đất xây đồn Ba Thê (xã Vong Thê - Thoại Sơn) nằm cách gò Óc Eo hơn một cây số rưỡi, đã khai quật được pho tượng “Phật bốn tay” bằng đá có chiều cao 1,70m cùng hai bia đá cao 1,80 m hai mặt khắc chữ cổ của người Phù Nam (không phải chữ Phạn hay chữ Khơmer cổ).[\[18\]](#)

Dân quanh vùng đã dựng lên ngôi chùa Linh Sơn thờ Phật. Linh Sơn Tự hàng ngày đón hàng trăm khách thập phương đến làm lễ.

Các nhà chuyên môn cho biết, tượng thờ trong Linh Sơn Tự mang mô típ mỹ thuật Bà-la-môn giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ tương tự tượng thờ Bà Chúa Xứ ở núi Sam (Châu Đốc) - thực chất đây không phải là tượng người phụ nữ mà là pho tượng dạng lưỡng tính thường gặp trong tín ngưỡng Bà-la-môn giáo.

Thăm núi Ba Thê, du khách còn được dịp thăm Chùa Bà, nơi có vết tích “Bàn chân Tiên”[\[19\]](#) ở sân Tiên tự với những truyền thuyết lãng mạn.

Năm nào cũng vậy, ngày xuân, du khách lại nườm nượp tìm về Thoại Sơn, vùng núi non nhiều di tích văn hóa - lịch sử, ngoài núi Ba Thê còn có núi Sập, núi Cấm, đồi Tứ Dục (núi Cô Tô - Phụng Hoàng Sơn thuộc huyện Tri Tôn) và núi Sam (Châu Đốc)...

Tìm về cổ thành Ba Thê, ngoài thú du xuân, du khách băng khuâng với hồn xưa, thời trước khi người Việt khai khẩn mở đất phương Nam...

Trân Châu (Theo tienphongonline)

Ngôi nhà 1.750 năm tuổi của cư dân Óc Eo

Nguồn: VietCyber

Ngày: 03/01/2004

Cuộc khai quật khảo cổ mới đây ở ấp Nhơn Thành, xã Nhơn Nghĩa, Châu Thành A, Cần Thơ, đã tìm ra dấu vết về ngôi nhà sàn 1.750 năm tuổi của cư dân Óc Eo, cư dân bản địa cổ xưa nhất của vùng Nam Bộ. Tiến sĩ Phạm Như Hồ, Trưởng phòng Khảo cổ học lịch sử (Viện Khảo cổ học Việt Nam), nói về cuộc khai quật này:

** Xin ông nói rõ hơn về 14 chiếc cọc tìm thấy trong cuộc khai quật lần này, chúng có gì đặc biệt so với những chiếc cọc đã được tìm thấy trước đây?*

- Thực ra, những chiếc cọc gỗ như thế này (đường kính khoảng 20-25cm, dài 1,5m) đã được tìm thấy khá nhiều và hiện nay vẫn đang được trưng bày tại hầu hết các bảo tàng tại Nam Bộ. Hiển nhiên chúng là những chiếc cọc rỗi, vì đều có đầu nhọn cắm xuống đất, nhưng là cọc gì, có phải cột nhà không, thì trước cuộc khai quật này không ai dám khẳng định. Người thì bảo đây là cọc đóng xuống sông để neo thuyền bè, người thì bảo đây là cọc đáy để giăng lưới... Nhưng tới bây giờ thì mọi việc đã rõ: Tổng cộng cả hai đợt khai quật đã tìm thấy 30 chiếc cọc, trong đó có những chiếc có lỗ mộng được đục rất chuẩn, rõ ràng đây là những chiếc cột nhà có chỗ gắn với các kết cấu ở bên trên...



** Điều gì khiến ông chắc chắn rằng đây chính là kiến trúc nhà sàn?*

- Có một chứng cứ nữa ở một địa nuôi tôm liền kề hố khai quật, chúng tôi đã tìm thấy hai cây cầu thang bằng gỗ dài ngắn khác nhau còn nguyên vẹn. Nó không khác nhiều lắm so với những cây cầu thang nhà sàn ở Tây Nguyên: được làm từ một thân cây gỗ lớn (đường kính tới 40cm), khá đơn giản, mặt trên được chặt thành từng khúc để làm bậc đi. Rõ ràng ta có thể hình dung sự liên hệ giữa nó với những cột gỗ kể trên trong một kiến trúc nhà sàn...

** Năm ngoái người ta còn nghi ngờ về những chiếc cọc này bởi những kiến trúc gỗ nếu không bị cháy hoặc bị lấp vùi thì ít khi có thể tồn tại tới 2000 năm như thế?*

- Một chiếc cọc có lỗ mộng vừa được chúng tôi đưa vào xét nghiệm C14, kết quả rất khớp với dự đoán, chiếc cọc có niên đại là 1.750 năm.

** Với những phát hiện về nhà sàn của người Đông Sơn (miền bắc) từ nhiều năm trước, gần đây (năm 2001) lại phát hiện dấu vết kiến trúc nhà (sàn?) của người Sa Huỳnh (miền trung) ở Duy Xuyên, Quảng Nam. Theo ông, nhà sàn Óc Eo có những đặc điểm gì khác so với nhà sàn ở các vùng miền khác?*

- Vì những chiếc cọc này vẫn nằm nguyên vẹn trong tầng văn hóa, nên chúng tôi đã có thể hình dung về quy mô, kết cấu, khẩu độ, và hướng của nó. Từ khoảng cách của hai chiếc cọc có lỗ mộng (cùng hướng), chúng tôi đã nhận biết được khẩu độ của một gian nhà, đo được là 6,4m. Con số này cho thấy mỗi gian nhà của cư dân Óc Eo được thiết kế tương đối rộng rãi. Vì

người Phù Nam thường sống trên sông nước, nên ngôi nhà của họ có hệ thống cọc sà rất chắc chắn và phải nổi khá đồ sộ để có khả năng chống chọi với lũ lụt. Còn phần mái bên trên thì có lẽ tương đối sơ sài. Điều này rất khác với nhà sà Đông Sơn....

** Được biết tại đây còn tìm được xương cốt của một bé gái 10 tuổi sống cách đây hàng nghìn năm. Liệu em bé có phải là người đã sống trong những ngôi nhà sà kể trên hay không?*

- Như tôi đã nói, tuổi của ngôi nhà sà nói trên vào khoảng 1.750 năm, ứng với giai đoạn sớm của người Phù Nam cổ (Thế kỷ 2-5). Ở giai đoạn này, người dân thường sống trên những ngôi nhà sà nổi trên sông nước. Họ chưa làm nông nghiệp, sống chủ yếu bằng đánh cá (tìm thấy rất nhiều dụng cụ như chài, lưới), và làm nghề kim hoàn (phát hiện những khuôn đúc hoa tai, vòng đeo tay, chuỗi hạt...). Sau này bắt đầu quá trình biến lùi, các doi đất nổi lên, người Phù Nam mới chuyển sang trồng trọt, chăn nuôi gia súc, và bắt đầu ở nhà đất, giã từ cuộc sống lênh đênh với những ngôi nhà nổi trên sông nước. Họ định cư ổn định lâu dài trên một khu vực, và chết thì cũng chôn ngay tại đấy. Mộ của bé gái kể trên là thuộc giai đoạn muộn này (Thế kỷ 5-7) khi người Phù Nam đã lên bờ ở nhà đất. Chúng tôi không chỉ xác định tuổi của em bản mệnh (10 tuổi) mà còn biết được rằng em có nhóm máu A (theo kết quả giám định ADN).

Ngôi tháp cổ giữa đồng bằng Nam Bộ

Nguồn: SaigonMytho

Tác giả: Phạm Anh Hoan

Sừng sững giữa đồng bằng, tháp cổ Vĩnh Hưng (thuộc huyện Vĩnh Lợi - tỉnh Bạc Liêu) còn nguyên vẹn nhất so với các di tích đền tháp Óc Eo ở Nam bộ.

Di chỉ văn hóa này ở cách Quốc lộ 1A và thị xã Bạc Liêu 30 cây số; cách các trung tâm tỉnh lỵ trong vùng từ 100 đến hơn 200km, cho nên không phải ai cũng biết và có điều kiện đến đây chiêm ngưỡng.



Giữa những năm 1990 Bảo tàng tỉnh Minh Hải và Viện Khoa học Xã hội thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức khai quật nơi này. Trên diện tích di chỉ rộng khoảng 3ha đào 5 hố thám sát, sâu 30- 50cm. Không tìm thấy tường thành bao quanh nhưng cả 5 hố đều có hiện vật và tầng văn hóa. Đã tìm thấy tượng linga, yoni, tượng Phật đồng 4 mặt và tượng đá Vishnu đều rất đẹp và còn khá nguyên vẹn cùng cột gỗ có điêu khắc (tượng vũ nữ); bình cổ quai - vôi, mảnh gốm nồi, hũ... với chất liệu gốm, trang trí hoa văn đặc trưng của văn hóa Óc Eo. Đã xác định được tuổi hiện vật có niên đại cách nay từ 900 năm đến hơn 1.000 năm.

Ngôi đền tháp cao hàng chục mét tồn tại hơn 10 thế kỷ, xung quanh là những cánh đồng lúa ngập nước cho thấy người xưa là bậc thầy trong xây dựng - xử lý nền móng. Vật liệu xây dựng và lối kiến trúc giống các tháp Chăm ở miền Trung. Gạch xây tháp Vĩnh Hưng gồm 3 loại.

Những viên có kích thước lớn (gạch tổ ong) đặt ở phía dưới, viên có kích thước nhỏ ở phần thân và gần đỉnh tháp. Màu gạch đỏ, được sắp xếp rất khít với nhau hầu như không có mạch vữa. Có chuyên gia cho rằng người xưa xếp những viên gạch mộc (đất sét) rồi đốt lửa nung chín khối tháp. Từ chân tới đỉnh tháp có thể phải chia ra đốt làm nhiều đợt. Tuy nhiên giả thiết này chưa thuyết phục vì các viên gạch này chín đỏ đồng đều như nhau từ lớp gạch giữa đến mặt trong, mặt ngoài của tháp mà tường tháp dày hàng mét.

Mặt sau đền tháp còn nguyên khối kiến trúc nhưng cửa vào và mặt tiền của tháp bị mưa nắng thời gian làm sụp lở, bào mòn. Bảo tàng tỉnh Bạc Liêu đã gia cố cột đỡ bê tông và xây lại bằng gạch thẻ.

Cũng như các tháp Chăm, tháp cổ Vĩnh Hưng và văn hóa Óc- Eo (thuộc Vương quốc cổ Phù Nam) còn nhiều điều bí ẩn.

Bài và ảnh: PHẠM ANH HOAN

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

“Lớp Học Vui Vẻ” – “The Joyful Class” (LHVV) với phương châm “Lan truyền tinh hoa Việt” nhằm đem đến cho các bạn đồng trang lứa trong hay ngoài nước cái nhìn mới mẻ, vui vẻ về lịch sử, tạo sự ham thích khi tìm hiểu lịch sử và qua đó xả bỏ được những áp lực khi đối mặt với môn học này cũng như những áp lực mà cuộc sống mang lại.

Website: [http://www.](http://www.lop-hoc-vui-ve.com)

Page Facebook: [Lớp học vui vẻ](https://www.facebook.com/lop-hoc-vui-ve)

Email: lophocvuive09@gmail.com

[1] Có người giải thích rằng, theo nhân dân địa phương, địa danh này trong tiếng Khmer có thể đọc là Ô Keo, có nghĩa là một vùng trũng (ô) phát ra ánh sáng lấp lánh như thủy tinh (keo). Sở dĩ cánh đồng này được đặt tên như vậy vì dân địa phương thường thấy ở đây những ánh sáng lạ phát ra vào ban đêm mà không hiểu vì sao."

[2] Trong bài *Lược sử vùng đất Nam bộ Việt Nam: Giai đoạn từ thế kỷ I đến thế kỷ VII*, cũng dẫn sách *Trần Đường thư*, nhưng chỉ cho rằng vương quốc Phù Nam bị diệt phải sau sự kiện năm 627 chứ không xác định vương quốc này tồn tại đến thế kỷ thứ 9. Trong bài *Giao thương giữa đồng bằng Nam bộ đầu Công nguyên* ghi rằng “Trong các năm 671-695 nhà sư I-Ching cũng đến Phù Nam”, còn năm bị diệt thì không thấy nói đến. Trong bài *Văn hóa Óc Eo trong mắt một trí thức Singapore* thì lại bảo Phù Nam “bị tàn lụi vào đầu thế kỷ 7”. Trong bài *Trung bày Cổ vật đặc sắc văn hoá Óc Eo* lại cho rằng vương quốc này tồn tại đến thế kỷ thứ 9.

[\[3\]](#) TTL: trước Tây lịch, STL: sau Tây lịch

[\[4\]](#) Thư tịch chữ Hán dẫn theo bản dịch của R Pelliot 1903, G. Coedès 1968, và Y. Ishizawa 1996. Tuổi đo kinh đào dẫn theo D.C.W. Sanderson 2003, và P. Bishop 2004. Chặng đường 500 lý tương đương khoảng 200km.

[\[5\]](#) Đây là không ảnh các kênh đào khu phức hợp Ốc Eo – Ba Thê và vùng lân cận. Chấm đỏ: địa điểm khai quật các năm 1997-2001, chấm xanh năm 2002

[6] Địa danh này cũng được tác giả đề cập trong bài *Tục ăn đất ở Việt Nam: “Sdachao hay Xà Lon nằm giữa một thung lũng bên cạnh nhiều di chỉ quan trọng của nền văn hóa Óc Eo”*. Có tài liệu ghi “*Núi Xa Lon, vùng Bảy Núi, huyện Tri Tôn; x = 10°23', y = 104°56'.*”

[\[7\]](#) Thất Sơn hay Bảy Núi, theo Tự điển Vdic, là “Vùng núi sót thấp ở tỉnh An Giang, gồm các ngọn núi không liên tục, đột khởi trên đồng bằng Tây Nam Bộ, cấu tạo bằng đá granit, từ bắc xuống nam và từ đông sang tây có núi Giai (266m), núi Ta Bac (282m), núi Dài (549m), núi Tượng (145m), núi Cấm (710m), Chom Pa (554m), An Lạc (587m), Cô Tô (614m), Tà Lê (253m), Bà Đới (251m).”

[\[8\]](#) Thị trấn Óc Eo được tách ra từ xã Vọng Thê (cũ) năm 2003

[\[9\]](#) Núi cao 211m. Theo *Đại Nam nhất thống chí* núi Ba Thê có tên là Hoa Thê Sơn. Diện mạo núi có 3 chóp đứng, có nhiều cây cổ thụ xanh mát, mặt trước là lưng, đằm lầy. Vào triều Minh Mạng, do húy kỵ tên Hoàng hậu Hồ Thị Hoa nên Hoa Thê Sơn đổi thành núi Ba Thê.

Trong Tự Vị Tiếng Nói Miền Nam, cụ Vương Hồng Sển ghi: “*Núi Ba Thê cao 30 trượng, châu vi 30 dặm, cách phía tây bến Thoại Hà 18 dặm ngoài. Nơi đây có 3 ngọn núi trùng điệp xanh tươi, có nhiều cây cao bóng mát... Mặt trước ngó ra chằm lớn, cỏ rậm bùn lầy. Thoại Ngọc Hầu nhân đó cho đào vét, rộng 20 tầm ghe thuyền lưu thông dễ dàng... Vùng này trước đây còn nhiều voi, trâu rừng, khỉ, sấu và nhiều chim chóc lạ.*” Về tên gọi, cụ Vương giải thích: “*Thê là cái thang, vì ngày trước vào thời đảng cựu nơi đây có bắc thang cao để trông hành động của phe Thổ...*” Cách giải thích này xem ra không được thuyết phục cho lắm!

[\[10\]](#) Sang thế kỷ thứ 8 Angkor Borei là kinh đô của Vương quốc Thủy Chân Lạp.

[\[11\]](#) Hầu hết các tài liệu đều cho rằng L. Malleret khai quật từ năm 1944, có người còn nói rõ là từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1944.

[\[12\]](#) Có lẽ không ảnh trong bài *Sông đào cổ* cũng là không ảnh trong bài *Giao thương giữa đồng bằng Nam bộ đầu Công nguyên*.

[\[13\]](#) Nhiều tác giả gọi là con đường gia vị (spice routes) hoặc phân biệt con đường quế quan (cinnamon route) với con đường đinh hương (clove route). Người viết gọi là con đường hương liệu nhằm chỉ hệ thống giao thương đường biển theo đó nhiều mặt hàng được trao đổi giữa phương Đông và phương Tây, trong đó trầm hương (aloewood) Đông Nam Á được buôn bán chung với nhũ hương (frankincense) và mộc dược (myrrh) Đông Bắc Phi.

[\[14\]](#) Thuật ngữ “quốc gia - đô thị” (state-cities) được dùng để thay thế “vương quốc” do các đặc trưng trong kiến trúc đô thị và cấu trúc xã hội lúc bấy giờ, được trình bày trong Nước Phù Nam – Vương quốc hay Quốc gia - Đô thị (tạp chí Văn hoá Lịch sử, số 13, 12/2004).

[15] Cấu trúc kinh đào toả tia của các đô thị Óc Eo được đề cập chi tiết trong Tìm hiểu đô thị cổ Ba Thê - Óc Eo: mô hình đô thị duyên hải vùng ngập lụt (tạp chí Người Xây Dựng, 10/2004); dấu tích các hoạt động giao thương được trình bày trong “Thương thuyền và hoạt động thương thuyền trong văn hoá Óc Eo” (tạp chí Thất Sơn, số 95, 6/2005), “Đoàn tàu Bà Tư và những người Iran đầu tiên tại Việt Nam” (tạp chí Kiến Thức Ngày Nay, số 558, 10/2/2006).

[\[16\]](#) Không rõ năm nào.

[\[17\]](#) Bò thần Nadin: thần Siva thường cười để đi đó đi đây.

[\[18\]](#) Tượng Phật bốn tay có lẽ cùng một loại đá bùn với hai bia đá kia, có người than phiền rằng không hiểu sao gần đây người ta lại “sơn phết” tượng này và dùng xi măng ốp hai bia đá vào bệ thờ. Bia đá dày khoảng 2 tấc, một bia chữ đã mờ. Trong các bài “Lược sử vùng đất Nam bộ Việt Nam: Giai đoạn từ thế kỷ I đến thế kỷ VII” ghi rằng người Phù Nam sử dụng chữ Phạn" face="Times New Roman">

[\[19\]](#) Đây là bàn chân trái, có người cho rằng còn bàn chân phải lớn hơn nhiều lần nằm trên đỉnh núi Cô Tô (huyện Tri Tôn) cách đó khoảng 30km đường chim bay. Không rõ hai bàn chân này hướng về một phía không? Ở Campuchia, theo cụ Nguyễn Hiến Lê trong *Đế Thiên Đế Thích* thì bàn chân Phật ở núi Bakheng tuy cùng cỡ, dài độ 2m, với bàn chân Phật ở núi Kulen nhưng ngón bàn chân này hướng về một phía còn ngón bàn chân kia lại hướng ngược lại!